

PHỤ NỮ

Tân Văn

DEPOT LEGAL
PRODUCE
N^o A 212

xuất bản: thứ năm



Bà TRƯƠNG-VĂN-HUÂN

Lập trường thêu máy trước nhất ở Nam Kỳ

DEPOT LEGAL
Litho H500
Saigon le 16/8. 1933

== 0315 ==

NĂM THỨ NĂM

ngày 17 Août 1933

== 212 ==

VIỆT-NAM NGÂN-HÀNG

CÔNG-TY HỮU HẠNG VỐN 250.000 ĐỒNG BẠC.

Adresse telegraphique: **HỘI-quán : 54-56, đường Pellerin, Saigon**

CRÉDITANA

TELEPHONE. 748

NHẬN LÃNH TIỀN GỬI BẰNG BẠC ĐÔNG-PHÁP hay là TIỀN QUAN LANGSA,
NHẬN LÃNH TIỀN GỬI CHO HỌC SANH BÊN PHÁP, BẰNG MÁY BAY, TÀU TRẠM
và GIẤY THÉP.

CHO VAY CÓ THỂ CHUNG CÁC THẺ QUỐC-TRÁI như là : BONNS INDOCHINOIS À
LOTS 1922, OBLIGATIONS CRÉDIT NATIONAL, RENTE FRANÇAISE etc...

(xin viết thư hỏi rõ hơn)

Muốn giúp cho qui vị nào lo tiện-lặn chóc đình tiền dư mỗi ngày, đừng
dễ dành cho các con của qui vị đi học, hay là phòng hờ khi hữu sự lúc về
sau, nên Công-ty có mua bên Pháp nhiều hợp lô-ông bằng sắc xi-kên rất
đẹp để riêng cho qui vị nào có gửi bạc trong Công-ty dùng.

Lại bốn Ngân-hàng đã nhứt định trả thế cho qui vị tiền cò mà phải
dán trong cuốn sổ "Tiết-kiệm" của qui vị, lúc qui vị đến gửi bạc.

Sau nữa, muốn thêm tiện bề cho qui vị nào mắc lo làm việc hằng ngày,
bốn Công-ty sẽ để cửa tới SÁU giờ RƯỚI ló, mỗi đầu tháng, từ MỘT táy
cho tới NAM táy, trừ ngày thứ bảy và chúa nhật.

VIỆT-NAM CÔNG-TY BẢO-HIỂM XE HƠI

Công-ty nặc danh vốn 200.000 đồng bạc

HỘI-quán : 56, đường Pellerin, Saigon

Tên giấy thép :

ASSURANA

Giấy thép nói : 748

1° Giá tiền bảo kê rẻ hơn các hãng khác
và trả làm 4 kỳ được, mỗi kỳ một
phần tư.

2° Khi rủi ro bồi thường mau mánh và
lo dù mọi việc, cho chủ xe khỏi
nhọc lòng.

CẤM TRÍCH LỤC CÁC BÀI VỞ ĐĂNG TRONG PHỤ-NỮ TÂN-VĂN MÀ IN LÂM SÁCH
(DROITS DE REPRODUCTION RÉSERVÉS)

PHỤ-NỮ

NĂM THỨ NĂM, SỐ 212

Ngày 17 Aoút 1938

Chủ-nhơn :
M^{me} NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

TÂN-VĂN

PHỤ-NỮ' ĐỐI VỚI THỜI-CUỘC

Còn gì đáng quan-tâm chủ-ý hơn thời-cuộc nữa ! Thời-cuộc có quan-
hệ đến sự sanh-lớn của chúng ta, ở hiện-tại và ở tương-lai, cho nên chúng ta
phải rất là chủ-ý.

Xứ ta, từ sau cuộc Âu-chiến, đã từng làm sân-khấu cho nhiều sự biến-
cách ; vài năm nay, nạn khủng-hoảng kinh-tế đã gây ra trong xã-hội nhiều
hiện-tượng mới.

Ngày nay, sự thông-thương từ Bắc vào Nam đã dễ hơn xưa nhiều ;
tuy vậy, tình-trạng xứ ta, về đường này, cũng như về nhiều đường khác là
tình-trạng một xứ còn chậm-trễ lắm.

Việc xảy ra ở một nơi nào trong nước có thể truyền khắp cõi ; song
nhiều khi truyền rất chậm và rất sai. Điều này rất là hệ-trọng, chị em nên
chủ ý cho lắm.

Hiện thời, một cái báo-giới được chừng một vạn người đọc truyền tin
đi cho tới các làng xa xuôi trong cõi Đông-dương. Độc-giả của báo-giới An-
nam là những quan-lại ở các tỉnh-lỵ ; những người tưng-sự ở các ty và các
sở công tư ; những người lao-dộng và tri-thức ; hợp thành một đám người
« có học » trong nhân-quần Annam, là một cái nhân-quần bị thiệt-thòi như
thế-giới, về đường học-vấn.

Thế rồi chừng hơn một vạn độc-giả các báo ở rải rác trên một cõi
rộng minh-mông, là xứ Đông-dương này, lập đi lập lại những tin đăng trong
các báo-chí : Ở tỉnh nọ có xảy ra chuyện này ; ở xứ kia có nhân-vật nọ, gây

thành những khuynh-hướng lớn trong dân-gian. Vì chính đám người đọc báo có nhiều mối tương-quan trong xã-hội. Vì sự giao-thiệp của họ mà các báo gây thành làm cái trào-lưu.

Phần nhiều chị em cũng như phần đông độc-giả các báo bởi vô-tình' vô-ý mà nhiều khi cồ-dộng cho những tin sai lầm, làm cho dân-chúng hiểu sai thời-cuộc.

Việc bé tí ti không quan-hệ gì đến sự thành suy bại thời của xã-hội' nhờ cứ đồn mãi, thành ra chuyện to, khiến cho dân-chúng xao lãng đối với những vấn-đề hệ-trọng. Kết-quả, thời-cuộc vì thế mà không được dân-chúng lưu-tâm.

Chị em cũng như phần nhiều bạn độc-giả có biết đâu rằng: người ta thường vì lợi-ích riêng mà truyền những tin không đáng truyền, hay là sai lầm? Chị em thường cũng không nghĩ rằng người ta có thể đảo-tạo « dư-luận », như các nhà hóa-học chế-tạo các chất ở trong phòng thí-nghiệm vậy.

Chị em quên rằng người ta có thể giấu những tin mà chị em cần phải biết.

Nói như vậy là cốt khám phá luồng không-khí tối tăm bao bọc chị em xưa nay, khiến chị em không nhận rõ thời-cuộc.

Cuộc khủng-hoảng mỗi ngày mỗi thêm sâu-xa, và lan tràn, tự-nhiên phải làm cho chị em suy-nghĩ để hiểu rõ hiện-tượng này. Hiểu rõ hiện-tượng này cũng như am-hiểu thời-cuộc là một điều tối-cần tối-yếu cho sự sanh-tồn của đoàn-thể phụ-nữ và của hầu hết xã-hội nhân-quần.

Vậy thì, trong khi ở xứ ta, người dân chưa có thể tự-do hội-hiệp để đề-cập đến những vấn-đề quan-hệ cho sự sanh-tồn; trong khi một cái báo-giới được chuyên quyền « đảo-tạo dư-luận », trách-nhiệm của chị em là lấy óc sáng suốt mà phê-bình, bao giờ cũng tự hỏi: « Cái ý-kiến này lợi hay là hại cho đoàn-thể mình? Cho nhân-quần? Ý-kiến này truyền ra lợi cho cánh nào? » trước khi truyền tin lại cho người khác. Như vậy, chị em sẽ khỏi vì lầm lạc mà cồ-dộng cho những tin sai, và lại có thể gây thành một cái áp-lực có ảnh-hưởng hay đến báo-giới xứ này.

Phụ nữ tân văn

CUỘC ĐÒI VỚI Ý TÔI

Cũng như tuần lễ trước, tin tức ở các nơi (do ở sở Arip đưa về) không về gì gọi là đáng cho nhà đương-đạo các nước lạc-quan đối với thời-cuộc.

Trên mặt các báo hằng ngày, độc-giả đọc những tin về « nguy-cơ của chủ-nghĩa Hitler », về mối tranh-đoan giữa hai nước Áo-Đức, về sự nước Áo « tăng-gia binh-lực », về vấn-đề tiền-tệ cần phải chi-huy.

Người bi-quan cũng như kẻ không hiểu thời-cuộc đọc những tin-tức ấy có thể chán-nản cho thế-giới; những ai là người biết đọc và biết nghĩ, tất nhận đó là những triệu-chứng gì.

Cuộc chiến-tranh vừa rồi do các đế-quốc to nhất ở Âu-châu gây nên để chia-xẻ lại thế-giới. Nước dụng-cụ để số tư-bản chủ-nghĩa cực-kỳ phát-triển như Đức muốn tranh-lấy các thuộc-địa của các nước lớn khác và chiếm lấy những vùng sơn khải-thác kém ở Âu-châu.

Những điều-ước Versailles, tạm kết-liều cuộc tranh-giành kia, công-nhận bá-quyền của nước Pháp ở Âu-châu.

Những cuộc hội-nghị kế tiếp nhau mãi mà không thành-tích là dấu tỏ ra rằng: Sớm trưa chỉ lại nữa bùng ra cuộc tranh-đấu kịch liệt để chia-xẻ lại thế-giới một lần nữa.

Ấy là sở-nguyện của các quốc-gia tư-bản, nhưng dân-chúng khổ-hại vì nạn chiến-tranh biết là đường nào, nay đã sáng-mắt ra mà nhận rõ sự thật. Vì thế mà chánh-phủ nào hiểu chiến-đấu đâu cũng còn « ngại không dám khởi sự ».

Phái bộ phản-đối chiến-tranh.

Chiếc tàu André Lebon tới Saigon hôm 9 Aout vừa rồi làm cho người ta xôn-xao chú-ý vì đáp tàu ấy có phái-bộ phản-đối chiến-tranh.

Phái-bộ do lord Marley cựu Tổng-trưởng binh-bộ Anh chỉ-huy, và các nhân-vật các nước

Pháp, Bỉ-lợi-Thì, như Vaillant-Couturier, Dr Marteaux, Poupy, kỹ-sư.

Báo-giới Pháp Nam xôn xao vì ông Vaillant-Couturier cựu nghị-viên (cộng-sân) Pháp, trang-sư tại tòa Phúc-án Paris. Cựu du-học-sanh Annam tại Pháp đã biết tài hùng-biến của ông này, đều dầm mưa đến nghe phái-bộ diễn-thuyết tại nhà hàng Perroquet đêm thứ năm 10 Aout vừa rồi.

Phái-bộ này tiếp công-trình cuộc hội-nghị Amsterdam. Cuộc hội-nghị này do hai nhà danh-sĩ Barbuse và Romain Rolland chỉ-huy đã mở ra hồi tháng Aout năm ngoái có hai ngàn đại-biêu Nhật, Hoa, Đông-dương, Ấn-độ và các nước Âu-Mỹ đến dự, mục-đích chống cuộc chiến-tranh đế-quốc là cuộc chiến-tranh chia-xẻ thế-giới trong tay một thiểu-số bọn tài-chánh.

Ông Trần-văn-Thạch, hội-đồng thành-phố có được nói trong buổi họp ở Perroquet. Ông bảo rằng người Annam không thể không chú-ý đến vấn-đề chiến-tranh.

Hơn 700 người đã vỗ tay vang rân để biểu-tông-tinh cùng phái-bộ.

Bác-kỳ ái-hữu.

Hôm tối thứ bảy 5 Aout, hội Bác-kỳ ái-hữu có tổ-chức một buổi hát để lấy tiền cho quỹ-hội. Ban tài-tử « Kim-Thanh » diễn kịch « Ban và Vợ ».

Cô Thụy-An, mới vào Saigon, có diễn bằng tiếng Pháp về lịch-sử nghệ-diễn kịch ở xứ ta, được thính-giã hoan-nginh lắm.

Hội tương-tế của văn-sĩ.

Ông Bùi-công-Tri, ở đường Douaumont số 23, Saigon, hồi ý-kiến của chúng tôi về sự lập một cái « Hội tương-tế của văn-sĩ ». Ông Bùi là một người thanh-niên, không thể hiện được người rằng sống về viết sách và báo nay đã khá đông, là hạng người thường kích lệ người khác lập những cơ-quan bảo-thủ lợi-quyền về chức-nghịệp mà tự mình lại không có hội bay là tổ chức chi hết.

Theo ý ông Bùi-công-Tri thì cần phải có một cái hội để giúp văn-sĩ (ubững người sanh-nhai về nghề viết sách, tiểu-thuyết, kịch-bản, báo-chí, văn-ván) trong cơn thất-nghịệp, và trong những dịp qnan, hôn, tang, tế.

Chúng tôi trích ra đây những ý cốt-yếu trong bài của ông Tri gửi lại. Ban độc-giả nào muốn biết rõ hơn có thể biên-thơ cho ông, theo địa-chỉ trên này.

Lời chỉ-trích của một vài tờ báo.

Không có báo-giới xứ nào lại có những lời chỉ trích lạ-lùng như bác-giới Namkỳ! Từ đã lâu năm rồi, thỉnh thoảng có một tờ báo mở ra mục phê-bình văn-chương của báo khác, để bới-lông tìm vít, sinh ra cãi mãi về chữ, về tiếng, mà thường thì những nhà cãi nhau đều không hiểu nghĩa những danh từ mình dùng hay chỉ-trích.

Chúng tôi muốn hơn dịp này mách cho các nhà ấy biết những quyền tự-diễn mà văn-sĩ Annam ưa dùng nhất — từ hơn hai mươi

PMU NG TÁN VAN

năm nay: Quyền Pháp-Hoa tự-diễn và quyền Pháp-Hoa tự-diễn. Hai quyển này in tại Thượng-hải ấn-vụ-cuộc, nhà bán sách Tàu tại Cholon có bán.

Tự-diễn in tại Đông-dương thì vừa đây có quyển Hán-Việt Từ-Điền là có thể dùng. Những chữ gọi là mới dùng trong các báo là những danh-từ do người Tàu và người Nhật đặt ra để dịch những danh-từ Anh, Đức, Pháp.

Nếu hai tờ tuần báo kia là hai cơ-quan đã mở ra mục phê-bình các báo chịu tra cứu tạm ở các thứ tự-diễn kể trên này thì khỏi phải vì không hiểu những chữ phạm-vi, ty-dị, vân vân, mà công-kích xăng nữa.

Cuộc diễn-thuyết của ông Hoàng-Tám.

Ông Hoàng-Tám chủ-bút phụ trương văn-chương của báo Đuốc-Nhà-Nam, tin-đờ Cao-Đài, đã diễn-thuyết ở hội Khuyến-học hôm tối thứ tư tuần rồi về vấn-đề văn-hóa.

Ông này ghét khoa-học cũng như là ghét lời hài hước.

Ông tuyên-bố rằng bản về vấn-đề «nghiêm-trọng» như vấn-đề văn-hóa, ông sẽ làm thế nào cho người ta phải suy-nghĩ.

Ấy thế mà cử-tọa vẫn cười ầm lên, có lẽ là để tỏ ý hiểu ông. Cũng có lẽ vì họ không được hiểu rõ quan-niệm của ông là thế nào.

Ông Hoàng-Tám quên một điều nhỏ-nhất này: là quên cất-ngĩa hai chữ «Văn-hóa».

Cổ lên, ông Hoàng-Tám. Cổ lên để đánh đờ lý-huyết của Huân-Minh, đánh đờ khoa-học, đánh đờ cái «đời vật-chất». Cổ lên để truyền bá thuyết văn-hóa tinh-thần của ông!

Nhưng, thứ nhất là phải cổ mà cất nghĩa hai chữ văn-hóa...

Phân-đối ông Hoàng-Tám?

Một hạn đồng-nghịệp tỏ ý mong nhà nào «bình vực khoa-học» sẽ mở ra cuộc diễn-thuyết để phân-đối ý-kiến của ông Hoàng-Tám.

Bạn đồng-nghịệp nói như vậy: «Phải chi cuộc diễn-huyết ấy là một cuộc diễn-thuyết tranh-biện thì thiếu chi người đi nghe ở Khuyến-học-hội vừa rồi đứng ra phân-đối M. Hoàng-Tám mà phân-đối cái phái mà M. Hoàng-Tám có thể làm đại-biểu, vui theo đạo-đức củ để kéo người ta đi lùi lại».

Chúng tôi cũng nghĩ như vậy, và lấy làm lạ rằng vì sao ông Hoàng-Tám đã hăm-hờ công-kích người theo thuyết khoa-học và duy-vật, lại không mời thỉnh-giã tranh-biện?

Có tranh-biện mới nảy ra ý kiến sáng: Lê nào người biên-tập trẻ tuổi kia lại sợ chơn-ly hay sao?

Khủng-hoảng!

Cái nhà máy gạo Bảo-Hưng-Thái của M. Lou-Muđi ở Cholon, vì khánh-tận (phá, sản) mà phải bán đấu giá hôm thứ năm 10 Aout. Ông Lambert mua được 10.500 đồng!

Trước thời khủng-hoảng, nhà máy này đáng giá 100.000 đồng.



Nạn khủng-hoảng mỗi ngày mỗi thêm nặng. Bây giờ, Đông-Pháp ngân-hàng, và các công-ty to giàu thêm, một thiểu số địa-chủ giàu thêm, còn thì mọi người đều phân-nản, nhất là người lao-động và thợ-thuyền bị bớt lương và thất-nghiệp.

Tình-hình báo-giới.

Trong Nam, ngoài Bắc độ này, có nhiều tờ báo quốc-văn mới ra đời, nhất là ở Bắc-kỳ.

Cứ tin-trạng khủng-hoảng như ngày nay và số độc-giã có hạn trong ba kỳ, thì có thể đoán sự cạnh-tranh trong báo-giới sẽ kịch-liệt lắm.

Rồi đây sẽ có nhiều tờ bị thua trận mà nghỉ. Nhưng cuộc cạnh-tranh ngày nay sẽ làm cho báo-giới Annam tiến-bộ, thứ nhất là về hình-thức. Xem ra ở Bắc-kỳ, thể-tài và nội-dung các báo đều đổi.

Trận bão to ở Nghệ-an.

Trời mưa luôn mấy ngày, nhất là tối chửa như 30 rạng 31-7-33. Một trận cuồn-phong thổi tới rất dữ dội, làm trúc đổ nhà lá của dân nghèo.

Cây cối và cột đèn điện trong thành phố Vinh trốc gốc rất nhiều.

Đường từ Vinh xuống Benthuy quang-cảnh điêu-tàn chẳng khác gì con đường lên tỉnh. Nhà máy Trường-thị hư hại ước 5 vạn bạc.

Mấy vạn con vịt ở Hôi-Lac bị trôi mất.

Nhà Bru-diện bị hư hỏng phải đình-đốn công việc.

Ở bãi biển Cửa-Lò, nhà sập, 3 người chết, 4 người bị thương. Lúa má đều nằm rạp hết.

Cuộc bão to ở Nghệ-an vừa rồi làm hại cho nông dân nhiều lắm, thứ nhất là hại cho dân nghèo!

VIẾNG MỘT CÁI SẦU THÀNH:

NHÀ THƯƠNG BẠC-HÀ



Chỗ thờ chửa Bà trong nhà thương Bạc-Hà

Sớm mai ngày 3 Aout, một bữa thứ năm, trời trong suốt, tôi đến trước cửa nhà thương Bạc-hà, số 8, đường Colombier. Nhìn tấm vách tường dày, cao, cái cửa sắt nặng, lớn, tôi bỗng đứng hồi hộp... Ai khiến xui ta đến chốn này...

Một lát đây, ông thầy thuốc Muraz, coi về sở vệ-sanh thành-phố, đến đây sẽ dẫn mình vào nơi đã hai ba phen xin phép đến thì bây giờ mặc sức mà điều-tra!

Nhưng ông chưa tới. Người lính ngồi gác trước cửa nhà-thương, ngó tôi mà bộ ngạc-nhiên. Tôi thì chòng chọc nhìn vào trong, theo mấy kết hồ cửa song sắt... Một cái vườn sạch-sẽ. Trong vườn, có năm sáu người đàn-bà, mặc đồ trắng, quần vải áo «blouse», y-phục của nhà thương. Họ đang quét, lượm lá cây khô; ấy những kẻ làm lạc trong xã-hội, những người bị hại trong cuộc đời.... Ở cuối cùng cái vườn, có một dãy vách tường xám, trên vách tường là trời xanh, ở xa ngó vào, thấy như bờ biển. Rồi bỗng đứng, tôi tưởng-tượng rằng đây là một góc trời riêng, để những ai đau khổ đến dưỡng bịnh; một đường-đường dựa bờ biển,

Bên-báo nữ-phóng-viên, có Nguyễn-thị-Kiểm đã đến viếng một cái «sầu-thành» ở Saigon.

Dưới cặp mắt sáng-suốt của cô Nguyễn, với tấm lòng thanh-niên tươi-cười của người quan-sát, cái sầu-thành phải bớt vẻ nghiêm khắc! Tuy vậy, các bạn độc-giã khỏi phải rùn mình ghé sợ, mà sẽ không khỏi tư-tưởng mãi về một vấn-đề lớn: nghề mai-dâm.

Bài sau này là một dịp khiến cho độc-giã chú-quan đến ý đến cái thãm-kích trong xã-hội đương-thời: hàng ngàn đàn bà đáng phải làm vợ, làm mẹ, làm người có phẩm-giá, có chức-vụ lại hóa thành một thứ đồ chơi, nô-lệ cho cái vật-dục của một hạng đàn ông trong xã-hội, một bọn Sở-khanh và Tú-bà. Nguyễn-nhân từ đâu? Tòa-soạn

đề ngọn gió thanh rữa sạch tấm lòng... Bên kia cửa sắt, đám người trong vườn ngó ra trần trần, bên này cửa sắt, tôi nhìn chòng chọc vào....

Thình lình, một bà phước hờ hải chạy ra vườn, ra dấu hiệu mấy người kia mau đi vô trong... Tôi đang suy nghĩ vô vẩn, một tiếng kèn xe-hơi làm tiêu tán nỗi lằng-mạn chán chửa trong lòng...

Ông Muraz đến... Cửa sắt mở ra, chúng tôi đi vào.

— Ông có cho phép chúng tôi chụp vài tấm hình không?

— Không được, luật cấm điều ấy.

Một bà phước, độ từ tuần, về mặt hiền, vui vẻ đi đến trước khách. Ấy là «xơ» Claire. Hỏi qua câu chuyện:

— Có muốn chụp hình thì có thể chụp được nhà của mấy bà đây.

Vị lòng khách, lấy một ảnh trong vườn, nơi thờ tượng chửa Bà. Xong, «xơ» Claire, ông Muraz với tôi đi qua «bên kia». Ngoài, có vách tường bao phủ trên nhà thương cũng có vách tường ngăn ra hai bên; bên này: nhà mấy bà phước, bên kia: đường đường. Một cửa sắt, toan bằng sắt chớ không phải có song, mở bật vô trong. Người mở cửa là một chị có bịnh, cũng mặc quần trắng, áo blouse, người đen

đen, tóc bết ngắn. Sœur Claire, xây lại nói với tôi : « Đó là người Nam lai Chà »... Chúng tôi đi ngay vào phòng ngủ. Bữa nay, các chị trong nhà thương đều tựa hết tại đây. Họ ngồi trên giường, coi trắng lớp. Chúng tôi vừa bước vào, hết thấy đồng đứng dậy, khoanh tay, cúi đầu nói rập một lượt : « Chào quý ông mời đến ». Tôi ngó một vòng tròn, thấy đủ tác người, phần nhiều là bọn trẻ. Có nhiều chị để tóc ngắn, bết « bom-bê ». Có vài bệnh nhân, lối 14, 15 tuổi. Ông Muraz chỉ cho tôi một đứa trẻ như vậy, tóc có chấm vai, cặp mắt chằm chằm nhìn tôi. Ôi! cặp mắt trong suốt có lẽ còn chan chứa những mộng tưởng tốt đẹp về sự đời, vì những vết thương độc ác kia chưa giết chết được cái tia khờ khạo... Tôi tưởng như vô một nhà nuôi trẻ mồ-côi. Tôi muốn bước lại nắm tay đứa trẻ mồ-côi, nhỏ hơn hết trong đám người mồ-côi này, để hỏi : « Bữa nay em bết chưa ? » cũng như trẻ này bị cảm vì mắc một đám mưa. Tôi sẽ hỏi : « Sao em không cần thận để phải mang bệnh ? » Tôi sẽ bảo : « Từ rày em đừng làm như vậy nữa nghe em. »

Nhưng tôi không phải đi một mình. Có sœur Claire, có ông Muraz. Tôi chỉ ngó tròn họ, tiếc rằng cặp mắt tôi không đủ là bao nhiêu lời. Ông Muraz chỉ những người trẻ mà nói với tôi : « Ở đây mấy hạng này còn mới, không được ở gần các chị sành nghề, vì sợ họ sẽ nhiễm lấy tánh xấu. » Bây giờ, mấy chị này hãy còn đứng khoanh tay, ông Muraz ra dấu biểu ngồi xuống. Họ ngồi trên giường. Mỗi người một cái giường, bằng cây, hẹp vừa nằm, có chiếc chiếu, một cái gối, một cái mền. Đầu giường có một cái tráp nhỏ bằng cây, đó là rương để quần áo. Đờ này của nhà thương hết. Giường để cách nhau chừng vài bước. Ông Muraz nói cho tôi biết nơi đây có lần kỳ nữ Saigon và Cholon. Một con đường rộng chia ra hai bên. Hôm nay, có 137 bệnh nhân, 48 người ở Cholon và 89 người ở Saigon. Tôi hỏi lúc trước nhiều hay là ít hơn. Ông Muraz lắc đầu mà nói : « Đi lên chờ không xuống. Mới hôm trước có một trăm, một trăm chẵn... Tôi liếc nhìn thì thấy toàn là người Nam, chắc cũng có chị lai Chà, lai Khách vân vân. Cửa sổ phòng ngủ có song sắt. Sœur Claire nói nhỏ với tôi : « Trước, cửa sổ không có song, họ phóng mình ra ngoài để mong trốn. »... Chúng tôi đi ra. Kế một bên vách, có cái phòng nhỏ, để được một chục cái giường trống. Sœur Claire cắt nghĩa là phòng riêng cho mấy bệnh nhân mắc phải bệnh truyền nhiễm, hay là

bệnh hoa-liều nặng lắm. Mấy hôm nay phòng đó vắng. Khi nào có bệnh nặng, e phải chết, thì người ta chớ họ vào nhà thương Cholon (Chợ-rẫy). Sœur Claire nói thuở nay ít có « ca » như vậy. Vô đây thì ra được mạnh hết. Một trăm người, chết chừng 1 người. Trước kia, nơi đây có kỳ-nữ người Nhật. Song, viên lãnh-sự Nhật đã gọi họ về xứ hết rồi.

Chúng tôi đi qua một nhà khác. Đây là phòng ngủ cho người kỳ-nữ các nước hoặc Pháp, Nhật, Tàu vân vân... Lầu này phòng này trống. Ông Muraz định làm thêm phòng ngủ cho bệnh nhân An-nam. Thế là phòng số người vô đây sẽ tăng mãi !

Chúng tôi đến phòng khám bệnh. Ở đây có đủ vật liệu riêng về việc này. Nhà thương này có hai ông thầy thuốc : ông Le Vilain và ông Trần-lân-Phát. Ông Le Vilain khám bệnh cho người Pháp, ông Trần tấn-Phát coi người Nam. Bên nào cũng vậy, mỗi tuần phải đến khám bệnh hai lần. Trước chỉ có một lần mỗi tuần, bây giờ số người mắc bệnh càng ngày càng đông... Số kỳ-nữ Saigon Cholon mỗi lần đi khám bệnh có tới 300 người Nam. Lối hai phần đến nhà thương này, còn một phần vô nhà thương Cholon. Nhưng nếu khám ai có bệnh thì đều phải vô nhà thương này điều-trị.

Kế phòng khám bệnh có một căn riêng để cho một thầy điều dưỡng dùng kiến kiến-vi để xem coi có vi trùng bệnh độc hay không. Mỗi lần khám bệnh, các người đi khám đều vô đứng hết trong một cái sân, rồi vô phòng từ người. Trong phòng chỉ có đốc-tơ, một bà điều dưỡng (nhà thương có 4 bà điều dưỡng) và người bị xét. Hạng kỳ-nữ có giấy nếu xét không bệnh thì ra, ai có bệnh phải ở trong nhà thương. Hạng người bị « linh bắt con gái » nộp nơi đây, nếu xét không có bệnh thì được thả ra, nhưng mới phạm một lần thì trả về cha mẹ, còn thả về mà tái-phạm nữa thì bị phát giấy vô sở Phòng khám bệnh có phát thẻ để biên tên họ, ngày nào ra, ngày nào vô, và tình-trạng căn bệnh. Mỗi tháng, phòng xét bệnh phải tốn hết 400\$ tiền thuốc.

Chúng tôi đi qua chỗ khác. Nhà bếp rộng lớn lắm, cơm và đồ ăn nấu bằng chảo đun. Mỗi bữa cơm được hai món đồ ăn. Tôi vô bếp gặp nấu canh bí-rợ và thịt heo kho, nấu sạch sẽ và coi bộ cũng ngon lắm. Mấy chị trong này được uống nước trà Huế. Sœur Rosalie là người Nam coi về bếp núc, mặt hiền hậu nói với tôi : bà thường thay đổi món ăn và tuy mấy chị trong này không có phần tráng miệng (dessert) chờ khi nào vườn nhà thương có chuối chín, mấy bà cũng đem phát cho

BAN TAN NỮ-LU'U



Bà Trương-vân-Huân
đã qua Pháp học về Nữ-công, khi về nước mở trường dạy thêu máy trước nhưt tại Saigon. Trường bà học trò rất đông và cách dạy rất mau

Bà Hạ-Minh
đã đóng vai Cô Sen trong tấn kịch Ban và Vợ diên tại rạp hát Tây Saigon ngày 5 Aout giúp cho hội Bắc-kỳ Ái-hữu.
Bà Hạ-Minh đóng trò hay lắm, được khán giả hoan nghinh



ăn. Chỗ mấy chị ăn cơm là một cái sân gạch Tàu, đánh đồ tươi, không có làn ghé chỉ hết. Sœur Claire nói, như vậy thì sạch lắm để rửa và cũng tiện cho đông người. Chén tô bằng sành, thứ sành thô. Một ngày được ba bữa : sớm mai 6 giờ ăn cháo ; trưa 10 giờ rưỡi ăn cơm, chiều 4 giờ rưỡi... Phòng tắm cũng rộng và sạch lắm. Có cái sân chơi Có hai ba căn phòng, làm « cachot », chỗ nhốt chị nào phạm kỷ luật ở đây. Nhưng Sœur Claire nói với tôi, bao giờ mấy bà phước cũng vẫn dùng lời dịu-ngọt rồi mấy cái cachot chỉ dùng mà nhốt những đồ khi cụ làm vườn. Mấy chị ở đây làm công việc trong nhà thương như giặt đồ, làm cỏ, quét rửa nhà. Mỗi tuần lễ nấu đồ (quần áo, đồ dùng của bệnh nhân) ba kỳ.

Tôi thuật lại cho độc-giã nghe thì dường như tôi được thấy trong hai ba tiếng đồng hồ, thật ra, ông Muraz hẹn dắt tôi đi coi nội trong nửa giờ. Vừa đi, vừa ngó, vừa nghe, vừa viết lía trong cuốn sổ, hôm ấy-tôi làm cho mấy chị kia chữ ý. Tiếc rằng tôi không được hỏi chuyện từ người, để biết điều-kiện-sinh-hoạt của họ thế nào.

Đúng nửa giờ, ông Muraz, Sœur Claire, dắt tôi từ « bên kia » qua « bên này ». Ông Muraz đi ra về vì ông bận việc, rồi bảo tôi muốn ở lại bao

lâu để coi « bên này » cũng được. Bên này là vườn tược, nhà của mấy bà phước. Hết thấy có 5 bà, 3 bà Pháp, và 2 bà Annam. Hai bà Annam là : Sœur Rosalie coi việc bếp núc, Sœur Eugène săn sóc mấy người bệnh. Mấy bà này mắc bận việc, tôi không tiếp chuyện được, chỉ đi theo Sœur Claire và bà phước chánh (Sœur supérieure). Hai bà dẫn tôi xem chuồng ngựa, chuồng thỏ, chuồng gà rồi ra vườn hoa. Tôi đi theo, đưa đây những câu chuyện thời tiết thay đổi, những tánh tình thú vật mà rồi, lâu lâu tò mò cũng trở lại hỏi câu chuyện « bên kia »... -Thưa «*ơ*» họ có chịu ở đây không ?

- Có hỏi thứ hoa tím này mọc ở đây tốt hơn, phải không ?

- Dạ không, xin lỗi bà chị, tôi hỏi mấy chị « bên kia »...

- A !...

Nhờ vậy, tôi nghe thuật rằng ngày thường, bên này với bên kia cũng được qua lại với nhau (thế nên lúc đầu, ở ngoài cửa, tôi trông thấy mấy chị kia trong vườn), sœur Eugène lãnh phần dạy dỗ mấy chị có bệnh, họ mến bà này lắm, gọi bằng « má ». Rồi, trời sắp trưa, tôi kiểu mấy bà phước đi về.

NGUYỄN-THỊ-KIỆM



Ảnh của Cụ Phan lúc ở Paris

II. — CHỖ DẠY NGƯỜI VIỆT-NAM HỌC.

Mấy năm ban đầu, lúc nước Pháp mới cấm cờ bảo hộ ca-trị ở xứ ta, cái vấn-đề « Có nên hay không nên dạy người Việt-nam học Tây », là một vấn-đề đã hao phí không biết bao nhiêu tâm-tư suy hơn tính thiệt, bao nhiêu giấy mực bàn ra nói vào.

Nước Pháp là nước có nền văn-minh học-thuật sáng tỏ rực rỡ ở trong thiên-hạ đời nay, nước Pháp có cuộc cách-mạng về vang, thân-trương cái đại-nghĩa về dân quyền và nơn đạo ra với hoàn-cầu; nước Pháp ấy đã đi chinh-phục khai-thác xứ nào ở hải-ngoại, tất cũng muốn mở mang cho đất xứ ấy trở nên tốt tươi, dạy dỗ cho dân xứ ấy thành ra tài giỏi. Đem được văn-minh đi soi tỏ đoàn em hậu-tiến, ấy là cái thiên-chức mà nước Pháp vẫn tự nhận là thiên-chức mình vậy.

Sang cai-trị ta, nước Pháp vẫn có chủ-tâm và tự-nguyện thành tâm kiệt lực để giáo hóa ta về học-thuật Thái-tây, tức là học thuật nước Pháp, hầu diu

Cái đời gian truân lưu lạc của Cụ

PHAN-VĂN-TRƯỜNG

(Tiếp theo số 211)

dắt ta lần lần bước vào con đường mạnh giàu tài giỏi như các nước tiên-tiến trong đời. Hồi đầu, những người Pháp rộng rãi thiết tha, đại-khái như ông Paul Bert, đã từng tuyên-bố cái mục-dịch bảo hộ khai-hóa của nước Pháp như thế.

Song ở bên những người Pháp có lượng rộng rãi có lòng ngay thẳng đó, lại có một bọn người, họ hiểu nghĩa khai-thác thuộc-địa một cách khác. Theo ý của họ, thì đừng nên dạy cho người xứ này học Tây; cứ để cho chúng òm lấy chữ Hán mà học từ chương khoa-cử như cũ; hoặc có phải dạy học mới cho chúng, thì cũng chỉ dạy một cái trình-độ rất thấp mà thôi. Phải chú-trương thuyết này không phải là không đồng, mà họ không phải là không có thể-lực to lớn, vì phần nhiều là bọn tài-chủ, bọn mưu sự kiếm tiền; họ nói đi chiếm thuộc-địa chỉ cốt làm giàu hối của là hết, cần chi phải mất công dạy dỗ thổ-dân, đã vô ích cho mình, lại còn lo nỗi có hại mai sau nữa. Bởi có phe chủ-trương thuyết ấy, mà những người Pháp thành tâm khai hóa, lúc đầu diu mở mang việc học cho ta một cách hẳn hoi, thường bị chặn tay cản mũi, ngăn trở trăm đường.

Phải kia tưởng rằng cứ để cho dân Việt-nam học chữ Hán theo lối từ-chương khoa-cử, thì không bao giờ biết đến học-thuật Thái-tây cho đặng. Nhưng từ khoảng năm 1895 trở đi, nơn bên Tàu nổi lên cái phong-trào bỏ học từ-chương khoa-cử, bọn duy-tân của họ rủ nhau lần-lần đem hết những sách hay học mới của Thái-tây mà dịch ra chữ Hán để truyền-bá cổ-động dân đối phương chăm học. Người mình thấy vậy đua nhau mua tân-thơ của Tàu về đọc. Bấy giờ phải « chủ trương đừng dạy học Tây » hay là phái « Ngu-dân » (Parti obs-

PHU NU TÂN VĂN

curantiste) bèn dứt mình suy nghĩ:

— Ủa! Hán-tự cũng phiên dịch được các sách hay học mới của Âu-châu sao? Để cho người Việt-nam tự học bằng sách này thì có hại; thôi phải dạy cho họ học Tây mới đặng, nhưng cho học chút ít vậy thôi.

Lúc này ở trong các phiên hội-đồng chánh-phủ bảo-hộ, các nhà chấp chánh bình quyền, bàn bạc sôi sảng về công cuộc mở mang việc học cho dân Việt-nam. Có người rộng lượng như đại-tướng Pennequin đề xướng ra một cái chương-trình mạnh bạo lắm. Ngài muốn rằng về bên « văn », thì ban bố một nền học-thuật Thái-tây thật cao thật rộng cho người Việt-nam, rồi lần lần giảm bớt những chỗ bất bình quyền ở giữa hai dân-tộc đi; còn về bên « võ » thì cho người Việt nam qua học các trường võ-bị bên Pháp, luyện tập lấy một bọn quan binh Việt-nam và tổ chức ra nhiều quân đội Việt-nam, do các quan binh tây nam cai-quản, hầu sau này lấy họ để phòng-thủ lấy bờ cõi non sông của họ.

Đó, ta thử coi có những người Pháp muốn dạy cho ta học mới, đến nơi đến chốn như thế, nhưng tiếc thay những người sẵn lòng đó vẫn bị phái ngu-dân kia kiếm cách cản trở, làm cho cái xướng nghị Pennequin không thể thiết-hành đặng.

Họ biết thế không dạy học Tây cũng không được nào, nhưng họ một hai chỉ muốn dạy theo cái trình-độ thấp thôi. Bởi vậy hồi năm 1908, quan Toàn-quyền Beau mô ra Đông-dương Cao-đẳng học-đường (Université Indochinoise), cốt để dạy người Việt-nam học tới bậc cao, và đón rước học sinh các nước lân bang ở đây qua học luôn thể. Lập tức, hầu hết báo Tây trong xứ làm như ước hẹn nhau mà đồng thanh la lên như vậy:

— Chúng tôi không hiểu tại sao Chánh-phủ lại có cái tư-tưởng ngông cuồng, muốn đem cái tinh-vi của học-thuật Tây-phương ta ra mà dạy cho giống người Việt-nam này làm gì. Đông-dương Cao-đẳng học-đường chính là cái lò cách-mạng, là chỗ tụ hợp của bọn âm-mưu v. v. . .

Ta xem qua như vậy thì biết hồi ba bốn chục năm trước đây có phải được như bây giờ. Hồi đó chánh-phủ và những người Pháp tử tế sôi sảng muốn dạy ta học hẳn hoi, lại bị một bọn trái ý, ở bên khuấy phá trở ngăn hoải.

Họ muốn thi-hành ý-kiến hẹp hòi của họ tới cùng cho nên họ có người đại-biểu và có lập ra cơ-quan để trông coi việc học của anh em du-học-sanh ta ở bên Pháp nữa.

Ta nên biết chính những người Pháp có lòng công-bằng nơn-đạo, không bao giờ tán-thành cái tiềm-tâm và cái cử-động của mấy kẻ muốn ngăn đón con đường tự-do học-vấn của dân tộc Việt-nam ta.

III. — CHUYỆN XÍCH MÍCH VỚI ÔNG ANDRÉ SALLES.

Sở-di tôi muốn viết đoạn trên cho độc-giã rõ chuyện đầu đuôi trước đã, rồi mới hiểu vì sao cụ Phan-văn-Trường qua Pháp, có chuyện xích-mích với ông André Salles, mà thân cụ gặp cảnh lưu lạc gian truân khởi ra từ đó.

Tôi đã nói cụ qua Pháp hồi cuối năm 1908, do chánh-phủ Đông-dương cử qua làm giáo-sư ôn-tập trong trường Đông-phương-ngữ tại Paris.

Sau khi cụ ở Paris được ít tháng, bữa kia vô trường dạy học, thấy có tấm danh-thiệp của một người tỏ ý muốn gặp cụ làm quen và nói chuyện. Người ấy là M. André Salles.

Cụ tới viếng ông ta ở nhà riêng tại đường Vaneau; ông ta nói cho cụ biết sự hội-ngộ này cốt có mục-dịch gì.

M. André Salles nguyên là thanh-tra thuộc-địa lưu-trí, trước đã từng qua thanh-tra chánh-sự bên Đông-dương đôi ba lần, giờ thì làm thơ-ký của ban ủy-viên Paul Bert, là một ban ủy-viên ở trong hội Alliance Française.

Hội này lập ra cốt có mục-dịch truyền-bá tiếng Pháp ở trong nước Pháp và ra ngoại-quốc. Hội có đặt riêng ra một ban ủy-viên gọi là « Comité Paul Bert », có công việc trông nom kinh-đạo những người thanh-niên Việt-nam qua học bên Pháp.

Hội nọ, ban ủy-viên này, không phải là cơ-quan của nhà nước Pháp lập ra để kiểm-đốc hạn-chế việc học của người Việt-Nam đâu, mà chỉ là cơ-quan của phái có ý-kiến hẹp hòi; như trên kia đã nói đó.

Thuở cụ Trường mới sang Pháp, du-học-sanh Việt-nam ta chưa có bao lắm người, không đông như bây giờ và cũng không được tự-tiện học tập như bây giờ đâu. Hồi đó, hầu hết những thanh-niên Việt-nam qua Pháp học tập, đều giao-phó cho ban ủy-viên nọ trông coi săn sóc, và chính M. Salles có trách-nhiệm diu dắt chỉ dẫn việc học cho họ. Phần nhiều thanh-niên du-học này, ở học trong một trường sơ-học tự-lập, mở ra tại Joinville-le-Pont, gọi tên là trường Parangon, do M. Salles làm đốc-học.

M. Salles mời cu Trường tới nhà riêng ở đường Vaneau chơi để làm quen, cốt nói chuyện cho cu hay rằng ông ta muốn mở ra một lớp dạy luân-lý Việt-nam ở trường tư-học Paragon, để dạy cho đám con dờ đầu của ông ta học. Luôn dịp ông ta ngỏ ý muốn mời cu làm giáo-sư dạy khoa ấy.

Cu trả lời thối-thác cho qua chuyện, bởi cu nghĩ cái ý-kiến của M. Salles thật là điên vớng, không có thể đem ra thiét-hành cho hữu-ích đặng. Vì theo y của cu, thì khắp cả Nhơn-loại ở trên mặt đất này, chỉ có một nền luân-lý mà thôi; một người là con nhà giáo-duc tốt, thì đầu cho họ học ở nước Pháp hay ở đâu khác, họ cũng biết giữ-gìn lẽ nghĩa khuôn-phép. Há tất phải đem luân-lý nước Nam qua dạy cho học-sanh Việt-nam đang học ở đất nước Pháp làm gì. Bởi đó mà cu từ-chối, không chịu làm thầy dạy khoa luân-lý nhà trường của M. Salles.

Xét ra ông này muốn làm quen với cu, là định tìm cách lung lạc cu. Bày ra khoa luân-lý, cây cu làm thầy, ấy là một cách muốn lung lạc đó. Hồi bấy giờ, phải tán-học ta, kẻ bang lợi lạc xuất sắc, mới có ít nhiều người thối, mà cu Trường là một cho nên M. Salles muốn lợi-dụng cu theo về ý-kiến và công việc mình, luôn dịp có lẽ muốn giám-đốc cu nữa.

Từ đó về sau, thường khi ông ta gọi giấy mời cu đi coi những cuộc diễn-thuyết nào xem chừng có ích cho sự học vấn nghiên-cứu của cu. Lại mỗi khi trường Paragon có cuộc lễ-hội gì, ví dụ như ngày Tết ta hay là cuộc phát thưởng không chứng, thì M. Salles đều có mời cu Trường và cu Phan-châu-Trình cùng là tất cả những người Việt-nam ở Paris quen với ông ta, đến nhà trường chứng kiến. Nghĩa là không có dịp nào có thể làm thân với cu mà ông ta bỏ qua vậy.

Sự vắng lai giao thiệp ở giữa ông ta với cu được niềm-nở từ-tế một độ lâu lắm. Tới sau có một chuyện xich-mich nhỏ nhen xảy ra, cứ cái tâm-lý một người quân-tử Đông-phương như cu, thì chỉ coi chuyện ấy là chuyện rất thường, thế mà M. Salles lại đem lòng hờn giận, từ đó ghim chặt vào trong lá gan, rồi đeo theo trả thù cu mãi. Làm cho cu gian-nan khổ-cực, bị nghi là cách-mạng vì đó, bị tù mười mấy tháng vì đó, mà sau này gặp lấy những chuyện rầu buồn rắc rối gì ở trên con đường đời, cũng là khởi-nguyên ở đó mà ra cả.

Chuyện gì mà thâm thù dữ vậy.

Ấy là M. Salles đổ cho cu Trường làm hư trường Paragon của ông ta, thét không có một cậu học-sanh Việt-nam nào học nữa.

Các người thất - nghiệp nên chú ý!

Ban trợ - cấp những người thất-nghiệp (lương lập) hiện đương tìm cho biết số người không công ăn việc làm ở Saigon.

Ban này định khởi sự phát cơm và rón kiếm nhà ở và quần áo cho những kẻ nào có đủ các điều-kiện dưới đây:

« Khoản thứ tư của điều-lệ. — Không cấp « phát tiền bạc và các đồ vật dụng, chỉ giúp « cơm và rón kiếm cho nhà ở và quần áo mà « thôi.

« Khoản thứ năm. — Tùy theo số tiền của « ban trợ-cấp, những kẻ nào đàn ông hay đàn « bà, người dân Pháp hoặc thuộc quyền cai- « trị của người Pháp, có đủ bằng chứng rằng « mình không sở-lâm, và không phương-thế « sanh nhai thì sẽ được trợ-cấp.

« Ai đã có làm tại Nam-kỳ trong hai năm « và mất sở-lâm trong ba tháng thì được kể « là thất-nghiệp.

« Ai không thể kiếm cơm và nhà ở cho « mình và cho gia-quyển mình thì được kể « là người không phương-thế sanh nhai.

« Kẻ nào hết phương-thế thì được trợ-cấp « trọn vẹn.

« Kẻ nào chỉ thiếu thốn một vài phần thì « được trợ-cấp tùy theo những sự cần-đùng « của mình.

Ai thất-nghiệp hãy gửi giấy ghi tên xin trợ-cấp liền đi.

Giấy xin ghi tên để cho những thợ thầy thất-nghiệp Annam tại:

Nhà hội của các người Annam giúp việc các hãng buôn. 22 Rue d'Agot Saigon

Về sau, thuật lại chuyện này, cu gọi là « vụ anh hàng cháo » (affaire du marchand de soupe).

Bên Tây lúc xưa có những thầy đồ vừa mở lớp dạy học, vừa nấu súp bán cho học trò ăn kiếm lời, người ta gọi là *mĩa người bán cháo* tức là chỉ về mấy ông lập trường tư vậy. (Còn tiếp)

V. A.

CÁC THỨ HOA LẠ VÀ QUI

Phụ-nữ Tân-văn số 123 và 127, có đăng 2 bài về Quỳnh-hoa và Ưu-đàm hoa. Nay tôi có một cây xem giống hệt như 2 thứ hoa đó, vậy xin tường-thuyết ra đây, hoa may có thêm cho độc-giả P. N. T. V. được chất định tại liệu trong sự khảo-cứu về vấn-đề « Các thứ hoa lạ và qui ».

LÊ-QUANG-DUẬT

Hội-trưởng Khuyến-Học-Hội ĐÔNG-HỚI

Theo đây tôi xin tặng qui-báo 1 bức ảnh.

Năm 1930, nhân lễ Phúc-sanh, tôi vào Quảng-trị chơi với người bạn là ông Ng. H. L., hồi đó Đốc-giáo trường Pháp-Việt Quảng-trị. Anh em vốn là bạn hiểu-hoa, nên ngồi lại với nhau, lại đem các thứ hoa ra làm đầu đề câu chuyện.

Hôm tôi từ giả Quảng-trị, ông L. có cho tôi một chậu hường tây (rosier robuste) mà chính ông đã gửi mua tận bên Pháp. Tôi nhắc chậu hường lên xe, thì ông L. đưa ra cho tôi một mảnh lá xanh xanh, bằng hai ngón tay, dài độ hai tấc tấc:

— Này, tôi biểu anh một cây này.

— Cây chi lạ thế?

— Là lắm. Chính là của Tàu. Qui và hiếm lắm. Hông thơm và đẹp vô cùng.

Xe quay bánh. Anh em người đi kể ở!

Về đến nhà, đem trồng vào chậu, đã mấy tháng trường, ít ai để ý đến. Khi trồng xuống một lá ngót hai năm cũng vẫn một lá. Nhưng sang năm thứ ba, mỗi ngày một tươi tốt, đâm lá nảy chồi, xem đã có vẻ lạc-quan. Tuy vậy trồng cứ trồng, chớ cây gì cũng chưa rõ, vì hồi khắp những tay trồng hoa, mà ai cũng nhận là một cây chưa hề thấy bao giờ.

Ngày 17 Mars 1932, P. N. T. V. về mục « Các thứ hoa lạ và qui », có lẽ một thứ cây mà người Tàu gọi là « Quỳnh-hoa ». Ang-lê kêu là « Rare Flower », tức tiếng Pháp gọi là « Fleur rare ». Ngẫm đi ngẫm lại mấy bức ảnh trong P. N. T. V., thì cái cây kỳ cục của tôi đó chính là cây Hoa-Quỳnh rồi. Bài ấy nói: cứ sách Từ-nguyên, thì xưa nay cả nước Tàu chỉ có một cây; trồng đã khó mà ự

trở bông lại là sự tình cờ, năm khi mười họa mới trở, chớ không phải trở thường mỗi năm như các thứ hoa khác. Cái cây đã kỳ cục, mà cái tiêu-sử tai kỳ khôi, vậy ta rán sức chăm nom, họa may có ngày xem hoa cho thoả công vun quén. Cái ngày trông đợi đó, nhằm vào ngày 14 Juillet 1933 vừa rồi. Khi nghe tin rằng cây Quỳnh tôi nở một hoa, những khách chơi hoa lấp-nập kéo đến thưởng giám rất đông, có người ở lại từ khi hoa nở là 8 giờ tối cho đến 4 giờ sáng là lúc hoa tàn mới về (1). Ai cũng công nhận rằng hoa này giống hệt như thứ hoa tả trong P. N. T. V. Cảnh trắng, nhụy vàng, lớn bằng cái đĩa chữ thọ, mùi thơm một cách rất nhẹ-nhàng dễ chịu. Cây đã già, cái hoa ở nơi cạnh lá trở ra cùng lạ, mà đều lạ hơn nữa là cái cuống hoa này đỏ thắm chớ không phải xanh như các hoa khác.

Cũng về mục « Hoa lạ và qui » Phụ-nữ Tân-văn số 127, ngày 14 Avril 1932, lại đăng một bài về hoa Ưu-đàm Đại-khai nói rằng: « Hoa ấy coi ở Ấn-độ. Ba ngàn năm mới trở bông một lần, có Phật ra đời thì nó mới nở. » Cứ so sánh mấy bức ảnh in ở P. N. T. V. số 123 và 127, với cái cây của tôi, từ cái lá, cái cây, cho đến các trang thái của cái hoa nó, thì cây này với Ưu-đàm cùng Quỳnh-hoa, có

lẽ cũng một loài. Bên Tàu có, bên Ấn có, thì bên Annam ta cũng có, thiết tưởng chẳng có gì lạ. Nói rằng hiếm và khó trồng thì có lẽ, còn như nói ba ngàn năm mới trở bông và hề trở bông thì có Phật ra đời, sự ấy chưa chắc là đúng. Vì cây Quỳnh của tôi, đã nở một bông hôm 14 Juillet 1933; hiện nay đang còn 10 búp nữa, mà một búp chừng 8 Août này sẽ nở. Nếu lời người Ấn-độ đoán không sai, thì xứ ta sẽ xuất hiện được nhiều Phật-lâm.

LÊ-QUANG-DUẬT

(1) Thế là hoa này từ hàm-tiểu đến nở toác ra rồi tàn là được 8 giờ đồng-hồ. Có lẽ vì khí-hậu và thời-tiết chăng?

ĐÀN ÔNG ĐÀN BÀ CHƠI VỚI NHAU NHƯ BẠN « TRON » CÓ ĐƯỢC KHÔNG ?

Giữa con đường tân-hóa của phụ-nữ Việt-nam ta hiện giờ, nổi lên một bụi gai, là vấn-đề :

« Đàn-bà đàn ông chơi với nhau như bạn tron có được không ? »

Nghĩa là có thể nào nam nữ giao-du với nhau bằng cái tình bằng-hữu tự-nhiên, trong sạch như đàn ông chơi với đàn ông, hay là đàn-bà bạn với đàn-bà vậy, chớ đừng có cái ái-tình trai gái mà chuốt xen vào một chút nào ?

Người ta nói đời này văn-minh tự-do, tất nhiên con gái đàn-bà phải dan dĩ giao-du với nam-giới như tình bằng-hữu, thân thiết mà trong sạch, đề cung nhau trao đổi ý-kiến, bày tỏ thiệt hơn ; bày giờ không còn phải là lúc giữ mãi cái hủ-tục « thọ thọ bất thân », và con gái có đứng nói chuyện ở giữa đường, hay ngồi đàm đạo riêng mặt đối mặt, chẳng nên lấy gì trái đạo chướng đời mới phải.

Phải, tôi vẫn trông mong như thế, nhưng câu hỏi trên kia cứ vẫn vương trong trí tôi hoài, nên chỉ có lần tôi đem ra hỏi thử ý-kiến của ít nhiều chị em. Ai nói cũng ngộ. Họ nói thế nào tôi thuật y lại như thế.

Một cô học-sanh, học chung lớp với con trai :

— Ở trong lớp học nhà trường thì được, nhưng ra ngoài thì không xong. Mấy cậu khôn quí lắm, nếu không dám nói ngay rằng : « Tôi thương cô », thì mấy cậu khéo kiếm những chuyện tình trong sách mà đưa ra để khêu gợi cái ái-tình hay cái tánh-giục của người bạn gái lên...

Bà X. tân-thời nữ-lưu, đã có chồng con :

— Tôi với chồng tôi, hồi trước là bè bạn đấy ! Nam nữ chơi với nhau, ban đầu chỉ được cái giao-tình vô sự một lúc, rồi chữ « giao » đổi ra chữ « ái » ngay. Thành vợ thành chồng còn khá, rồi giữa đường ông bạn trai để cho chị em mình lỡ làng ân-hận mới sao ?

Một cô giáo :

— Lay cha ! Chỉ làm quen với nhau được năm bảy bữa là nhiều, sao cũng tiếp được bức thư của ông bạn tán ma tán chuốt.

Một bà tuyệt-đối tự-do :

— Nam nữ giao-du như bạn « tron » được, chớ sao lại không. Ăn thua ở người đàn-bà. Minh cứ làm như người đàn ông, tức là mấy chú hết dám thò ngôn.

Tôi có hỏi ý-kiến một người đàn ông thiếu-niên, vào hạng thừ-thời và ưa mới. Người ấy trả lời :

— Được ! Nhưng miễn là người bạn gái không có một chút nhan sắc nào : da đen mặt xấu, như Chung-vô-Diệm ngày xưa. Nếu không thì lửa gần rơm lâu ngày cũng bén, chẳng kết bạn « tron » được bền lâu. Cái giao-tình không sanh chuyện rắc rối, có lẽ người Âu Mỹ quen phóng khoáng tự nhiên kia, họ cũng không giữ được.

Người này nói đúng. Thiệt, người Âu-Mỹ họ cũng không tin rằng nam nữ có thể giao-du như tình bằng hữu trong sạch được lâu.

Đã từng có một phóng-sự-viên của một tờ báo ở Paris đi hỏi nhiều bực danh-nghơn về vấn-đề này. Trừ ra có nữ-sĩ hữu-danh là Colette nói :

— Được chớ ! Tôi tin chắc rằng nam nữ có thể chơi với nhau bằng tình bầu bạn, cao thượng, tinh khiết, vô tư. Chính cái chừng cỡ là tôi đây... từ 50 năm nay.

Còn thì ông bà nào cũng nói xuôi lơ cả.

Nhà tiểu-thuyết Alfred Machard đã nổi tiếng về cuốn tiểu-thuyết « Ông chúa đàn bà » (*Le maître des femmes*) nói rằng :

— Tôi buồn rầu và ngay thiệt mà nói đều này : tôi không mấy tin cái tình giao-du vô sự ở giữa đàn ông và đàn-bà. Trừ ra người đàn-bà đừng có nhan sắc gì cho lắm, hay là chủ đàn-ông đã gợi tấm lòng vào ai khác rồi thì mới được.

Bà Dussane, là tay danh-ca của Pháp-quốc Hi-vi-ên, và lại là nhà diễn-thuyết có tài, thường nổi tiếng là người rành về cái tâm-lý ái-tình lắm :

— Tình giao-du vô sự ở giữa nam nữ cũng có thể có được, nhưng mà ít lắm. Bè ngoài là bè bạn, nhưng lắm khi có cái tánh-giục ngầm lên ở bên trong, về phía nam hay phía nữ cũng vậy.

Thiếu-niên ngày nay hay mượn tiếng nam nữ giao-du, để che những sự thương yêu đi lại... không phải là vô sự ! Tuy vậy, có ít nhiều nơi mà người ta làm việc dùng dần, thì quả có những người đàn-ông và đàn-bà ho thương nhau một cách thân thiết mà trong sạch. Có đều khi nào « cái nhục-giục thắng quá », thì thấy ba phần tư là người đàn bà bị thua trước hết.

Hỏi văn-sĩ Maurice Bedel, thì ông này nói rằng nội thế-giới chỉ có thanh-niên nam nữ Tô -Nga mới thiệt là kết-giao bằng hữu với nhau được vô sự thôi. Còn mấy nước Thoại-diễn, Nót-oc cũng có, ấy là nhờ cách giáo-dục của họ, cho con trai con gái học hành chung chạ với nhau thành ra quen đi, kết bạn trong sạch vô sự được. Cái chế-độ cho nam nữ học chung, thật có kết-quả hay.

Theo như mấy cái ý-kiến của ta và của tây mà tôi góp nhặt trên đây, thì phần nhiều không tin rằng nam nữ có thể làm bạn trong sạch vô sự được.

Nhưng không lẽ vì vậy mà bảo nam nữ đừng giao-du lân cận nhau. Tôi tưởng nam nữ ta cứ việc giao-du như bạn, có đều mỗi bên nên phòng trước mà rán chế lòng giục của mình ; hoặc vạn nhất có trở nên đa sự thế nào thì ta phải rán châu toàn cho nhau, thứ nhất là chủ đàn ông đừng để cho chị em ta dở dang ân-hận mà thôi.

VĂN-ANH

Đa tạ các bạn !

Từ ngày 20 Juillet là ngày các báo trong ba kỳ đăng tin « Phụ-Nữ Tân-Văn » được lưu-hành ở Bắc-kỳ, bạn thân ngoài Bắc đánh điện-tin và biên thư về Báo-quán rất nhiều để chúc mừng và tưởng-lệ cho chúng tôi.

Quý hơn nữa là ngày nào Báo-báo cũng nhận được thư mua báo. Các bạn không chỉ có một tấm cảm-tình suông mà thôi đâu ; các bạn nghĩ đến sự sinh-tồn, sự thanh-vượng của một cơ-quan đã từng trong bốn năm trời nay, vận-động vì lợi-quyền của đoàn-thể đàn-bà và các công-trình hữu-ích.

Chúng tôi lấy làm cảm-động, lẽ phải phúc-đáp từng nhà, nhưng vì thời-giờ có hạn, xin tạm có lời công-bổ ở đây để đa-tạ thanh-tình chị em và anh em đất Bắc.

BỒN-BÁO.

Ông thầy thuốc Nguyễn-văn-Nhung cho qui khách hay rằng vì mắc đi nghĩ sẽ vắng mặt tại Saigon kể từ 1er Août 1931.

Mua một năm báo 5\$ sẽ được tặng hơn 5\$ sách và tiểu thuyết

Ngày 2 Mai 1933 vừa qua là ngày kỷ-niệm tư châu-niên của Phụ-nữ Tân-văn.

Nhơn dịp kỷ-niệm này Báo-báo đã sửa đổi bình-thức và nội-dung cho thêm vẻ khá quan hơn, và cũng nhờ dịp này Báo-báo đã có tặng cho chư độc-giả ở Nam-kỳ và Trung-kỳ mua báo năm ba bộ tiểu-thuyết để làm kỷ-niệm của nhà báo.

Trong dịp ấy chị em anh em « Ông-báo ở Bắc » không được dự, vì lúc đó còn bị cấm ra Bắc.

Nay tuy ngày lễ kỷ-niệm đã qua rồi, nhưng chúng tôi cũng nhờ dịp được tái hội cũng chị em anh em yêu quý, chúng tôi định kéo cái lễ kỷ-niệm kia lại để cho độc-giả ở Bắc cũng được dự.

Chúng tôi xin đặt ra lệ tặng các thứ sách và tiểu-thuyết như sau này :

1. — CÂY ĐÀNG MÙI ĐỐT.

(Tiểu-thuyết của Hồ Biểu-Chánh) trọn bộ 3 quyển, giá bán 1\$ 00.

2. — NHƠN TINH ẤM LẠNH

(Tiểu-thuyết của Hồ Biểu-Chánh) trọn bộ 8 quyển, giá bán 2\$ 40.

3. — KẾ LÂM NGƯỜI CHỊU

(Tiểu-thuyết của Hồ Biểu-Chánh) trọn bộ 4 quyển, giá bán 2\$ 00.

4. — MÀNH TRĂNG THU.

(Tiểu-thuyết của B. Đ.) trọn bộ 2 quyển, giá bán 0\$ 80.

5. — SÁCH GIA CHANH.

(Của Phụ-nữ Tùng-thơ) giá bán 0\$ 80.

Thế lệ. — Kể từ 15 Août cho tới 15 Septembre 1933 Báo-báo sẽ tặng cho chư vị giới tiền mua báo trọn năm ; ba bộ sách hoặc tiểu thuyết trong 5 thứ kể trên đây, tùy ý quý vị chọn lựa.

Vị nào mua 6 tháng thì tặng ; một bộ, cũng tùy ý quý vị chọn lựa.

Sách tặng chúng tôi sẽ gửi cho quý vị bằng cách có hảo đảm, phí cước về phần nhà báo chịu.

Quý vị muốn nhận món quà của chúng tôi định tặng trên đây, chỉ có gửi thư và mandat trả y theo giá báo đã định là đủ.

Khi Báo-báo tiếp được thư và mandat mua báo thì sẽ gửi sách tặng đến ngay.

Quý vị độc-giả đã mua năm mà chưa hết hạn, nếu muốn được tặng món quà đã kể trên đây xin gửi mandat mua nạn mới, Báo-báo sẽ vô số và gửi báo tiếp khi tới ngày hạn mua trước hết. Xin xem giá báo ngoài bia.

Phụ-nữ Tân-văn
cần bịch

NHÂN-VẬT

Ông Nguyễn-háo-Vinh

Trong bầu-trời hoạt-động hẹp-hòi của giai cấp tư-sân xứ này, Nguyễn-háo-Vinh có một độ là một «ngôi sao» rực-rỡ!

Năm 1922, ông Vinh mấy lần đăng đàn diễn-thuyết ở hội Khuyến-học về Chính-phụ-ngâm. Người ta vì tài diễn-thuyết của ông mà đến thì ít, mà vì cái « nhân-vật ly-kỳ » của ông thì nhiều.

Con người ấy khi còn dưới 20 tuổi ở Hongkong, biên bài cho Nông-cđ Min-dam, đã vì thấy cảnh xứ ta kém hèn mà hò hét : « Tệ hết bực, nhục vô cùng ! »

Mười năm sau, cùng với các bạn đồng-chí đã cùng nhau sang Nhật (sau cuộc Nhật-Nga chiến-tranh) bị bắt đày về xứ.

Người ta bị kết án nặng mà ông thì không...

Tuy vậy, hình như cái gươm bén của thần Damoclès vẫn treo trên cổ của tiên-sanh trong một độ.

Rồi ngày qua, tháng qua, năm qua, nước sông Saigon qua đi đã nhiều. Ông Vinh vẫn đứng yên một nơi.

Con người đẹp trai mà rất khoẻ ; con người ưa ca-tụng nghị-lực phi-thường của giống Nhật, con người ấy lại lặng thinh.

« Cai lạng thình hùng biện », Nguyễn-háo-Vinh ưa dùng câu ta khẩu này lắm.

Không hiểu vì sao ông ấy làm thình, rồi lại vì sao mà nói, mà nói to, công-chúng lấy làm ngạc-nhiên mà đọc trong Nam-phong bài bình vực tiếng « mẹ đẻ » của N. H. V.

Bài có giá trị và rất dài.

Dùng tất cả nghị-lực sức tích mảy lâu, — cái nghị-lực đáng phải dùng trong việc khác — Nguyễn-háo-Vinh quát to :

— Hỡi những người Annam ở Bắc, Trung, Nam, Cao-mên, Lào ; hỡi những người Annam đi ngoại-quốc, hãy hiệp cùng tôi mà bình vực tiếng mẹ đẻ ! Các ngài không thấy có kẻ dám « thồn, nhét, ém, nhàn tiếng Chệt » vào văn Annam hay sao !

Nguyễn-háo-Vinh sanh ở Nam-kỳ nên hình như quyền-luyện riêng với xứ Nam-kỳ ! Ông ta bảo rằng : « Các ngài ở Nam-phong cứ dùng những văn những chữ của Chệt mà làm cho văn-chương trong báo của các ông không thể tiến-hóa được cho bốn triệu con người ở Nam-kỳ ! Các ngài quên phút bốn triệu người dân giàu-có và thông-minh ở Lục-tĩnh ! »

Lời văn nồng-nàn nhiệt-thành này làm cho người biết văn-học nước Pháp nhớ đến nhiều đoạn sử, nhất là nhớ đến quyển *Défense et Illustration de la lanque Française*. (1)

Thời giờ qua đi đã nhiều, nhà « cựu cách-mạng » càng ngày càng « hiền » ra. Chủ-bút *Công-luận-Báo* ; rồi Chủ-nhiệm *Nam-kỳ Kinh-lễ Báo*, tiên-sanh này không nói tới số-chỉ số-nguyên thuở hai mươi tuổi, mà chỉ « phê bình » các báo và chống với quyển *Hà-Hương phong-nguyệt truyện* của Lê-hoàng-Mưu ! Bấy nhiêu công-việc cũng đã choán hết thì giờ của ông Vinh rồi.

Làm chủ nhà in Xưa Nay, lần lần, ba chữ tên ông vào cõi quên cho nhiều người.

Tuy vậy, kẻ quan-tâm đến thời-cuộc, nhớ trước lo sau, hay tự hỏi :

— Vinh ? Nhà in ? Tại sao ? Làm gì bây giờ ? Đi tu ?

Nhiều người báo rằng ông Vinh « cũng tu ».

Con người còn thanh-niên, đã từng nuôi dưỡng tham vọng lớn-lao, đã bao nhiêu phen ca tụng nghị-lực phi-thường của người Nhật, con người ấy bây giờ có khuynh-hướng về đường trầm tĩnh..... trầm tĩnh trong cõi phong-lưu !

Với ông Vinh, vẫn một lớp tuồng chánh-trị trong Nam-kỳ.

Từ lớp tuồng này, quang-cảnh sân-khấu Việt-nam đổi khác hẳn.

BICH-VÂN

(1) Của Du Bellay một nhà thi-sĩ Pháp có tiếng hồi thế-kỷ 16.

Dr. TRẦN VĂN ĐỐC

Chuyên trị bệnh con nít
31, Rue Tabert

Góc đường Tabert và Aviateur Garros
— : SAIGON : —

Bán hết toàn có tiếng đã 20 năm nay.
XIN QUI BÀ QUI CÓ CHIẾU CỐ

O. M. IBRAHIM & C^o

44, Rue Catinat, 44
SAIGON

Một cuộc điều tra trong làng văn

ĐỜI VĂN-SĨ

Từ ngày biết đọc sách, coi văn, tôi vẫn thường tự hỏi Văn-sĩ là hạng người thế nào mà sao đối với tâm-hồn tinh cảm của ta vẫn như có được cái ảnh-hưởng sâu xa thâm thiết ?

Làm sao mà những điều ta vẫn ôm chặt trong lòng, lại thấy họ nói tới được một cách rất phân-minh khám phá ?

Làm sao mà những điều ta cho là khó-khăn nan-giải, lại thường thấy họ giải-quyết được một cách thú-vị tài-tinh ?

Làm sao ta khóc mà họ biết dỗ ? Ta cười mà họ cười theo ? Ta chán nản cuộc đời mà họ biết kiếm điều an-ủi ? Ta say-mê thế tục mà họ biết giác-ngộ giùm ta ?

Họ không ở trong lòng ta mà bao nhiêu những nỗi bi, thương, oán, căm, họ đều như lịch-lâm tỏ tường.

Họ không ở trong trí ta mà bao nhiêu những mối nghi-ngợi lo toan, họ đều như có chiếu thấu đáo.

Không cùng ta một xứ sở, mà ta vẫn thấy yên-miền như chỗ thân thích ruột-rà.

Sanh trước ta lâu đời, mà ta vẫn tưởng tượng như bạn đồng-thời tri-kỹ.

Sao vậy ? Văn-sĩ là hạng người gì mà sao có được cái năng-lực thiêng-liêng như thế ?

Tôi vẫn yên trí trong đời tôi thế nào cũng có ngày phải làm quen được với văn-sĩ hay ít ra cũng được thấy một văn-sĩ một lần. Thấy mặt để coi người xem có chỗ gì là siêu-phàm xuất-tục. Làm quen để hỏi coi vì đâu mà gặp nên được ảnh-hưởng giữa xã-hội loài người.

May sao điều mơ ước của tôi, nay đã được thiết hiện mà vừa đây tôi đã kết giao được với ông Thanh-Tung là một nhà văn sĩ ở Saigon.

Ông đã xuất bản được bốn năm bộ tiểu-thuyết, cho ra được ba đơn kịch và thường viết bài cho các báo chí trong ba kỳ. Người mới trên ba mươi mà coi bộ ốm yếu xanh xao lắm. Nhà ở là một căn phố hẹp. Để đọc chỉ có một chiếc giường cọt, một cái tủ sách, một cái bàn viết và bốn cái ghế coi đã cũ kỹ lâu đời.

Tôi quen ông là nhờ có người anh em giới thiệu.

Nếu không biết trước là ông Thanh-Tung thì tôi chắc không thể nào tin được một người như vậy lại là nhà văn sĩ có tiếng mà riêng tôi vẫn thường mèn yêu cảm phục. Sao cái cảnh ông thì lớn lao làm vậy mà cái người lại chẳng có gì là uy nghi ? Sao văn chương ông thì phong phú như ai kia mà cảnh nhà ông lại đần độn đến thế ?

Tôi hỏi về thân thế hoải bảo của ông thì ông cũng vui lòng mà nói với tôi rằng :

« Cha mẹ tôi chẳng ai muốn cho tôi theo đuổi về cái nghề-nghiệp hiện-thời của tôi cả. Hồi nhỏ

tôi cũng được ăn-học như người ta, nhưng gia-đình tôi chỉ muốn cho tôi học để rồi ra đi để đi được bổ-đụng làm thơ-ký, thông-ngôn, hay cao hơn nữa thì giáo-sư, thừa-biện.

« Nhưng văn-học sử Pháp, tôi thấy sự-nghiệp của những nhà văn-báo thi-sĩ mà mẹ, rồi cơ sở ước sẽ cũng có ngày trở nên văn-sĩ. Khi còn ở trường, tôi đã tập viết Nhật-ký và dự-thảo một bộ tiểu-sử tiểu-thuyết. Những công-việc tôi làm, cha tôi thường quở mắng luôn luôn. Cha tôi nói : « Cho mày ăn học là cốt trông cho mày sau này nên người, chớ nếu mày cứ dùng thì-giờ mà làm những việc vô ích như vậy thì rồi ra sẽ khổ cực đó con. »

« Nền người, nghĩa là có danh phận như người mà khổ-cực nghĩa là không được phong-lưu phú-quí. Lời cha tôi nói đó thiệt là lời tiên-tri. Nay tôi đã cãi lời cha tôi mà theo con đường tôi đã vạch lấy để đi này, tôi đã thấy tôi không nên người rồi và cũng đã nếm được nhiều nỗi trần-ai tàn-khổ.

« Ông cũng biết tôi không phải là người trong Nam, mà nếu tôi phải từ-giả quê-hương từ ngoài Bắc về đây, cũng là sự bất-đắc-đĩ vậy.

« Trước hết ở làng, người làng không dung. Họ thấy mình cả ngày chỉ đọc sách, viết văn, không làm một việc gì khác nữa, thì họ cho là vô-nghề nghiệp chẳng có một chút danh-phận gì ở làng.

« Đã vậy mà nào có yên đâu, họ lại còn nghi cho mình có dính-lu gì với những người làm những sự bị cấm trong nước mà mình thường bị tra xét đòi hỏi, khiến cho mình không được thông thả chút nào.

« Bỏ làng ra tỉnh, cái không khi có thể thờ hơn đôi chút, thì sự khủng hoảng về kinh-tế lại cũng quá chịu trầm chiền. Ở làng còn có nhà ở, ra tỉnh phải thuê phố. Ở làng sự sanh-hoạt không tốn-kém là bao mà ở tỉnh thì như thiết đều mà vô-cùng. Cũng tưởng cây viết mình đủ nuôi mình, ai ngờ sống nhờ ở cây viết thật là sống một cách gian-oan nguy-hiêm. »

« Hồi đó tôi chưa có tên tuổi gì trong làng văn, làng báo, nên tới đâu cũng chẳng ai chiều cổ đầu dung.

« Viết bài đăng báo, chẳng bao nạo chịu đăng. Viết sách đem bán, chẳng thư-quản nào chịu nhận. Tôi không hiểu là tại mình dốt hay tại họ không để ý tới mình mà thành ra văn mình cũng chịu điều thiệt hại. Cùng lắm tôi phải cho không một bộ tiểu-thuyết cho một thư-quản nọ xuất-bản để coi được công-chúng thưởng-thức ra sao.

« Cũng may bộ tiểu-thuyết đó ra đời thì trong, ít lâu đã có nhiều người chú ý. May hơn nữa là nhờ nó giới-thiệu mà ông Tùng-Châu, chủ báo « Nam-Thanh » mới viết thư cho tôi mời vào trong này giúp việc.

« Viết báo ít lâu, rồi tôi cũng chán luôn nghề làm báo mà xin nghỉ ở nhà viết sách.

« Có vô làm báo mới biết, nó chẳng sướng gì đâu ông ạ. Hai thứ nhất là nó làm mất thì giờ nhiều quá. Nào việc sửa bài, nào việc nhà in, nào điều-tra, nào phỏng-vấn, hết ngày này qua ngày khác, đầu tắt mặt tối, chẳng có hứng thú gì đâu.

« Kể nó lại hai luôn cả tới lương-lâm đức-tánh. Thôi cái việc bút chiến trong báo-giới Việt-nam tôi nghĩ tới mà ghê người. Từ tế với nhau chẳng nói làm gì, hề có chuyện chỉ xích-mích mà gây ra bút chiến, thì tha-hở mà chữ bới xô-xiên, chẳng coi cái thể-thống nhà văn ra gì cả. Tôi chẳng hề có thù-oán với ai mà tới khi tờ Nam-Thanh có bút-chiến là rồi tôi cũng phải ép lòng mà chữ mượn, cái giùm, nghĩ thiệt lấy làm vô-cùng bất-mán.

« Đã vậy, cái nghề làm báo lại còn hại luôn cả tới cái sự-nghiệp văn-chương của mình nữa kia. Văn hay ở ý, mà nhà làm báo cũng như con làm rut ruốt, lần lần có gì moi ra hết, lại không có thì giờ mà học thêm, rồi cuộc chỉ còn là một cái máy viết, viết ra chữ mà là những chữ khuôn sáo cũ, chẳng chứa được cái tư-tưởng gì đáng giá cả. Tôi thôi làm báo, tránh được điều vất vả vô-vị, thì lại trở lại cảnh túng-thiếu nghèo nàn. Nhưng cũng may nhờ đã có tên tuổi đôi chút mà từ bấy giờ văn-chương đã hơi thấy có giá, đem bán cũng đã thấy có người mua, đầu chẳng làm cho mình được phong-lưu phú-quí, nhưng nếu cứ cho mình được vậy hoài, ấy cũng đã là mãn-nguyện rồi đó.»

Thấy ông nói tới hai chữ « mãn-nguyện » tôi hơi có ý hoài-nghi, bắt qua hỏi ông về quan-niệm đời người và lý-tưởng bình sanh thì ông cũng vui lòng nói tiếp :

« Đời tôi cứ được như vậy, tôi đã lấy làm mãn-

nguyện. Cái nghèo tức là người hạn-thiết của nhà văn, chẳng cứ ở nước ta, mà cổ-lai ở nước nào cũng vậy hết.

Mới đầu tôi cũng thường lấy điều đó làm buồn rầu tủi-hở. Sau lần lần thành quen, thì cái cảnh đời của mình lại trở lại giúp mình được thêm tăng-tiến về sự-nghiệp.

« Công-trình văn-nghiệp của tôi phải chia ra làm hai phần : Phần đầu là nhờ ở những ý-tưởng trong sách, mà phần thứ hai là nhờ ở sự quan-sát trong đời. Cái cảnh-đời bình-dân của tôi chính là chỗ cho tôi quan-sát được nhiều điều chọn-lý đau-thương nó làm cho cái xã-hội của ta này chẳng có gì là thú-vị.

« Có nghèo mới biết cảnh nghèo. Có khổ mới biết cảnh-khổ. Có lăn lóc trong đám bình-dân, có trà-trộn với người lao-động, mới biết cái sanh-hoạt khó-khăn, cái tâm lý đoạn-trường của họ được.

« Làm một nhà văn-sĩ mà không trực-tiếp với những cái thâm-trạng đó thì không bao giờ có được cái quan-niệm thiết-thực về đời, để biết chỗ mà đặt cái lý-tưởng cho sự nghiệp.

« Honoré de Balzac thuở trước chính nhờ sự quan-sát mà có cái « nhơn-sanh hý-kịch » (comédie humaine). Cái « nhơn-sanh hý-kịch » đó, lại chính là cái kho-tàng những tài-liệu về đời, giúp cho những nhà học-giã biết cái thiệt-tế của xã-hội hiện-tại mà xướng-minh ra những học-thuyết tân-kỹ để tạo-lập nên cái xã-hội tương-lai.

« Trực-tiếp với thiệt-tế, đau khổ về cảnh đời, tôi đã đem những điều mắt thấy, tai nghe, mà để vô những công-trình trừ-thuật. Như vậy chẳng phải là tôi yêu-mến thiết-tha gì những cảnh-tượng đó đâu. Tôi kể nó ra, tôi vẽ nó ra, ấy chỉ là muốn trình bày cùng độc-giã rằng cái hiện-cảnh xã-hội ta là thế đó. Cái hiện-cảnh đó chẳng có gì là thú vị nên thơ, thì những ai là kẻ có tâm-huyết về đời, sẽ phải để cả tinh-thần nghị-lực mà làm việc cho tương-lai xã-hội. Cái mộng-tưởng và cái hy-vọng của tôi là vậy, có lẽ sau khi tôi chết rồi mà người đời mới biết. Nhưng nếu quả thiệt cái công-trình văn-nghiệp của tôi mà còn sống lâu hơn cái đời thiệt có của tôi này, thì bao nhiêu sự hy-vọng ở đời, tôi cũng không cho là quá đáng...»

Sau khi đã nghe hết câu chuyện của Thanh-lung, đã thấu rõ cảnh đời vật-chất và sự sống tinh-thần của nhà văn, thì cái cảm-tình của tôi đối với văn-sĩ lại càng thêm đậm-thấm, vừa yêu về văn-tài, vừa phục về chánh-khí, vừa tội-nghiệp về cái đức hy-sanh, lại vừa bất-bình về sự bất-công của xã-hội. THANH-TÂM

TRIẾT-HỌC VÀ BỒI NGU'Ồ'I

Triết-học trong xã-hội Nam-kỳ



Gọi rằng học triết-học theo nghĩa chân-chính của danh-từ này, thì trong xã-hội Annam mới có từ khi có mở ra trường trung-học và đại-học.

Học trò vì phải thi lấy bằng tú-tài, đầu là chuyên về số học, hay triết-học, phải biết lịch-sử triết-học, các thống-hệ, các lý-thuyết, cuộc xông-đột trong cõi triết-học trong thế-giới, như là ở Âu-châu : từ cổ Hy-lạp cho tới Đức, Pháp, Anh, văn văn.

Ở Pháp, học cho tới cuối cùng bậc trung-đẳng, học-trò mới bắt đầu tung độc những thuyết nọ, lý kia, là những điều, họ cho là rất chán. Những thiếu-niên từ 16 tới 20 tuổi, sanh vào buổi có vô-tuyến-điện, rạp chớp bóng, vẫn là có tâm-tình khác với thiếu-niên những đời không có điện-khí. Triết-học vẫn là cần để lấy bằng, song mọi sự tiêu-khiển hữu-ích : nghe vô tuyến-điện, xem chớp bóng, chuyện trò với bè-bạn, tập các môn thể thao vẫn là không đáng bỏ qua.

Ta nên biết rằng : trong các nước lớn, chỉ có ở Pháp là học trò trường Trung-đẳng có học triết-học. Ở các nước Đức, Anh, Mỹ, người ta chỉ học triết-học ở các trường Cao-đẳng.

Học triết-học ở các trường Cao-đẳng Âu-châu ra thế nào ?

Tôi đã thấy bao nhiêu là học-sanh nam nữ Âu-châu, những người vào trạc 2, 3 mươi tuổi nghe giảng về Descartes hằng mấy tháng mà ngo-ngần không hiểu đầu đuôi ra thế nào ; rồi khi giáo-sư ở Sorbonne hét lên :

— Cogito ergo sum ! (Tôi tư tưởng, tức là « tôi có » thì nhiều học-sanh lại nhả răng cười. Cười là vì họ « nghe không vô ».

Bạn độc-giã thử nghĩ xem làm sao kẻ thanh-niên vào tuổi ấy có thể hiểu cái « hoài nghi theo phương-pháp » (doute méthodique) của nhà đại-triết-học Descartes cho được ! Nhân-thân tôi, tôi, và cuộc đời chung quanh tôi quả có hiển-nhiên, cũng như tập báo Phụ-nữ Tân-văn này, cũng như bạn ở các nơi sẽ xem bài này đều là « có » thật ; cũng như mặt trời có thật, khùng-hoàng có thật,

vậy mà Descartes hoài-nghi là không có. Thế rồi phải tìm mãi hàng chín năm trời sau khi rời trường đại-học ; tìm mãi cho đến một hôm vào giờ tối, ông phát-minh ra lẽ này : « Tôi tư-tưởng tức là « tôi có ». Cao siêu thì thật là cao siêu, song kẻ trẻ tuổi sanh vào đời cạnh-tranh kịch-liệt, và cuộc đời phiền-phức như ngày nay, thấy người ta ngờ cho tới sự hiển-nhiên thì làm sao khỏi lấy làm lạ cho được ?

Bởi vậy, ở trường đại-học và trung-học, học trò « philo » (triết-học) mang tiếng là học trò « tôi ». Ở xứ ta, quang-cảnh khác hẳn.

Ngày nay, người quê mùa đến đâu ở xã-hội này, ít ra cũng đã thấy những hiện-tượng mới đại-biểu cho cuộc đời mới, như máy móc, xe điện, sự phán-tranh trong tư-bồn chủ-nghĩa ; ấy vậy mà phần nhiều học-sanh Annam vẫn thiên về cái học văn-chương. Mà học triết-học, tiếng là học về những thống-hệ và lý-thuyết, nhưng nếu người học thiếu óc khoa-học và phò-thông học-thức, thì rốt lại cũng chỉ là học văn-chương.

Vài năm sau này, ở xứ ta, như là ở Nam-kỳ, có một cuộc vận-động tôn-giáo. Vận-động này ban sơ chỉ chú trọng về hình-thức (cách tổ-chức, sắc-phục, hình tượng, văn vần) dần dần thành một cuộc vận-động về lý-tưởng, thứ nhất là về triết-ly.

Rồi ta được xem một hiện-tượng lạ-tùng : mới cái nhân-quần kém cõi nhất về sự học trong thế-giới như người nước ta lại quan-tâm đến những vấn-đề chỉ để riêng cho người học ở các lớp cao-đẳng : các vấn-đề về triết-học.

Bây giờ đi tới đâu trong Nam-kỳ, cũng nghe bàn về thuyết « chủ » và « khách » trong phát-giáo, vô-ngã, hữu-ngã, văn văn.

Những vấn-đề hệ-trọng như nan khùng-hoàng và các việc thuộc về kinh-tế, chánh-tri, xem ra lại ít được người lưu-tâm.

Nhưng mà, ở đây, tôi tạm xin hạn-chế quyền ngôn-luận của mình trong phạm-vi này.

Hiện-trạng sự học triết-học ở xã-hội ta ra thế nào ?

Nói cho thật ra, cái khuynh-hướng về triết-học

thật là rất mạnh trong xã-hội Annam, nhất là ở miền Nam, mà sự học này vẫn không có tổ-chức và không có cơ-sở.

Triết-học cho thật đáng tên là triết-học, thì chỉ có triết-học Âu-châu là một cái triết-học đã có cơ-sở, nền-nếp, thống-hệ, nguyên-lý, lại đi theo kịp các điều-kiện và những sự phát-mình của khoa-học. Các triết-lý của cổ Hi-lạp và của Âu-châu hợp lại thành ra một cái rừng rậm, kẻ không có «nhập môn» — nghĩa là thiếu điều-kiện; như: những điều học-thức phổ-thông — không thể nào khỏi làm đường lạc lối rồi lúng túng suốt đời không tìm được ngõ ra.

Không phải là tôi không biết rằng Á-châu từ hơn hai ngàn năm trước đã có nhiều triết lý cao siêu ra đời.

Song le, bao nhiêu cái quan-niệm sâu-xa về cuộc đời của Thích-ca Mâu-ni, của Lão-tử, của Khổng-tử, vân vân, đều thiếu một sự thiếu rất lớn và đáng tiếc này: *Thống-hệ* (le système; la systématisation).

Bao nhiêu tư-tưởng không có manh mối, nền-nếp, không hợp thành một cái « học » có tánh cách vững-chãi như thống-hệ của Socrate, Aristote, Descartes, Kant, Hegel, vân vân.

Bỏ cái thiên-kiến cho rằng Á-châu ta thua Âu-châu là thua về máy móc, về sức mạnh vật-chất, mà hơn về tinh-thần (triết-lý), người học-trò học, các triết-lý Âu Á, không khỏi so-sánh hai đảng rồi kết-luận một cách lợi cho Âu-châu.

Có người đã lấy làm ngạc-nhiên về một chỗ này: cái học của Tàu và của Ấn-độ (cái học xưa) không hề biết đến *luận-lý học*.

Tôi xin các bạn đọc-giã chú-ý đến điều này: các khoa số học, vật-lý-học, tự nhiên-học chưa từng giảng ở các trường học Á-châu trước. Thời-kỳ Á-châu giao-thiệp với Âu-châu; như vậy thì triết-học của Á-châu đâu có chẳng nữa, cũng chỉ là một cái triết-học rất thiếu-thốn và rất thấp-thỏi.

Về vấn-đề này, tôi sẽ bàn dài hơn ở kỳ sau.
= X. X =

PHÒNG QUẢNG CÁO

TRƯỜNG XE HƠI

Xe nhỏ 25 \$
Xe lớn 35 \$

95^{bis}, rue Lagrandière, Saigon
Chủ nhân: TRINH-HUNG-NGÀU

CHUYỆN VỤ

Thường công

Chủ nhà nói với đầu bếp:

— Chị Tư, tháng này tôi có ý coi khá, chị đập đầu chừng ba bốn cái đĩa. Tôi nghĩ chị làm ăn sạch sẽ bất thiệp nên tôi muốn thưởng công chị. Từ rày sắp tới, mỗi tháng tôi cho chị thêm năm các mà đều từ đây, hề chị đập bể chén đĩa thì chị phải thưởng liền cho tôi nghe.

Nguy lâm chớ!

Phòng coi mạch. Một bà, thân chủ quen.

— Chào ông! Ông được mạnh khoẻ chớ? Còn bà ở nhà có được an quý thể không, ông? Còn mấy em nhỏ có được ăn chơi không? Lâu quá, tôi không có đến đây mà ngặt tôi nghĩ làm vậy, nghe ông, mình không đau chi nhiều, đến làm rộn quan thầy với tốn hao tiền thuốc cũng uống. Ông cũng rõ chớ, năm nay mà mỗi lần nhưc đầu mỗi lần chạy đến thầy thuốc thì thôi, chết tiền. Tôi nói vậy là nói chung chớ còn đối với ông, quen biết lâu, mình làm vậy coi sao được!... Tôi từ hôm rày, có hơi rất cái lưỡi. Tôi chắc không có chỉ lo mà tôi nói để hỏi ông cho yên bụng. Đây, tôi le lưỡi thử cho ông coi... Có sao không, ông? Chắc không có gì hết?

— Được đâu, nguy lâm chớ! Bà lười thì cái lưỡi này «liệt» đa! Để tôi đưa thuốc rồi bà phải cho nó nghỉ ít nữa là một tháng....

AI lại thua ai

Ngồi dùng cơm. Ba nhà mộ «vệ-sanh» nói chuyện.

— Anh Hai à, tôi có tánh kỹ lắm. Đời tôi, bao giờ có uống một nhều nước lạnh! chết khát thì chết chớ tôi kiếm được nước chín mới uống.

— Anh giống tôi đa, anh Mười. Tôi ghét giống gì sống sít lắm. Cho đến đổi rau luộc, luộc cho bầy, cho nát, tôi mới ăn.

— À, còn tôi cũng vậy, hai anh. Hễ mỗi lần bà con lối xóm cho tôi con sò, con vọp hay là ở nhà tôi định đi chợ mua con nghêu, con chêm chếp về nấu ăn, thì tôi đi bịch thuốc ngừa ban của lưỡi trắng... Trước rồi về mới ăn.

Trường hợp đặc-biệt

Trong phòng việc.

— Thầy lạ quá! Thầy nói vợ thầy sắp năm chớ, nên thầy xin phép tôi nghỉ hai ngày rồi thầy ở nhà tới bốn bữa!

— Thưa ông chủ, hôm trước tôi đâu có biết mà liệu định, ở nhà tôi để sanh đời!

NU' LU'U ĐOI NAY

CÁI ĐỜI VỀ VANG CỦA MỘT CÔ ĐÁNH MÁY CHỮ

Amy Johnson!

Ba bốn năm trước, có ai dám ngờ rằng con nhỏ đánh máy chữ cho nhà băng đó có ngày trở nên một phi-công đại-tài, tiếng tăm lẫy lừng thế-giới, lại lấy được một người chồng anh hùng như Mollison.

Cái đời của cô thiếu-nữ này ngộ lắm; nó tỏ ra những câu cách-ngôn «hữu chi danh thành» và «muốn thì được» là đúng vô cùng.

Ông thân của cô là một người làm nghề mua bán trái cây ở xóm phụ-cận thành Luân-đôn, cả đời chăm chỉ, hiền lành, chỉ cốt nuôi nấng mấy đứa con gái đi học cho tới khi đi làm thuê ở các hãng, để kiếm lương tháng nuôi thân, thế là ông mãn nguyện. Chính cô Amy đến năm 17 tuổi, được vô làm chun đánh máy chữ ở một nhà băng.

Ông cụ và cả nhà thấy cô đã đi làm việc kiếm ăn được như thế, thì lấy làm mừng, chớ nhà cô xưa nay không ai biết đến những chuyện cơ-khi và mạo-hiêm là gì hết. Như là ông cụ không tra máy bay; ông thường nói người đời bày ra thứ quái ấy để mà tự-tử, làm cho gia-đình chia lìa, mẹ cha than khóc, chớ hay họ tài giỏi gì đó.

Thế mà không biết vì sao cô Amy đang làm nghề đánh máy yên ổn, lại bỗng nảy ra cái chí muốn.... bay.

Bữa nọ, cô ngộ ý muốn với cha. Ông già trừng mắt nói rằng:

— Muốn bay há? Máy điện hay sao? A, thôi

mày điên phải rồi. Tao nói cho mày biết rằng đời tao còn sống đây thì không có khi nào mày được để chun lên một cái máy khôn kiếp đó nó đã gây nên bao nhiêu chuyện buồn rầu. Không khi nào! Mày đã nghe chưa.

Nghe cha rầy mắng, cô Amy cúi mặt làm thinh.



CÔ AMY đang lên máy bay để giựt một giải quán quân, sau khi đã bay qua Úc-châu và Nhật-bồn về

Hình cô AMY và chồng là MOLLISON, trước khi cùng nhau bay ngang Đại-tây-dương tháng rồi.



Có lẽ cô cho lời cha nói là phải, mà cô định bỏ cái chí muốn của mình đi chăng? Ông cụ thấy con cháu máy lúi, cô ý chưa chịu nghe lời, thì ông lại rầy nữa.

— Mấy con em mày còn biết chuyện hơn mày thiệt tình. Chớ còn những lễ ban đồng sự với mày trong nhà băng, họ họ cũng nghĩ đến muốn bay chăng? Tao sao mày lại muốn làm phi-công? Mày định trở nên tay vô-dịch? Mày muốn giựt giải quán-quân? Mày muốn thiên-hạ nghe danh biết tiếng mày, phải không? Nói thiệt đi.

Cô Amy vẫn làm thinh. Không phải cô muốn học bay để trở nên vô-dịch hay là cầu lấy tiếng tăm, nhưng vì cái óc phiêu-lưu lãng-mạn của cô khiến cho cô muốn lên máy xanh để tìm lấy cái thú êm đềm phóng khoáng vậy.

Cô bỏ nhà trốn đi, như định học cái nghề khó nhọc hiểm nghèo cho được. Bà mẹ cũng khóc lóc, thì ông cha càng giận-dữ, nhưng biết làm sao ngăn cản được con bầy giờ.

Cách mấy tuần lễ sau cô Amy thì đầu phi-công một cách rất về vang.

Ban đầu cô còn bay quanh quẩn trong xứ, rồi thỉnh linh bữa kia cô bay thật xa; cô chỉ nói riêng cho một vài người bạn thân được biết mà thôi.

Ấy là ngày mùng 5 tháng 5 năm 1930. Cô ngồi một mình trên chiếc máy bay 100 ngựa, cất cánh ở Luân-đôn bay từng chặng qua Úc-châu.

Thật là một cuộc bay can-đảm. Vì có bao nhiêu nông nỗi gian nan, nào là gió mưa, nào là bão tố, uao là một chặng biển xa 700 cây số mà phải bay qua, lại còn nào là rừng rậm, bãi hoang, thế mà cô thiếu-nữ Amy chẳng hề ngần-ngự sợ hãi. Cuộc bay ấy, dân ông còn không dám mạo-luعم một mình, vậy mà cô thành-công được, nên chi người ta gọi cô là « Nữ Lin-Ber » (girl Lindbergh) cũng phải. (Ai cũng biết Lindbergh hồi năm 1927, một mình ngồi máy bay vượt biển Đại-tây, từ Nữu-ước qua Ba-lê; bây giờ cô Amy cũng một mình bay từ Luân-đôn qua Úc-châu, cho nên người ta đặt tên cho cô như thế).

Khi tới thành Sydney (Úc-châu), cô bước xuống phi-cơ, liền chạy tới những người phóng-sư nhà báo đang đứng chờ cô, cô nói với họ:

— Các ông nói cho nước Hồng-mao, cho cha tôi, cho mẹ tôi và cả thế-giới được hay rằng tôi yên ổn vô sự.

Mấy giờ đồng hồ sau, hoàng đế Georges, hoàng-hậu Mary, quan thủ-tướng và nhiều bực chánh-khách danh-nghĩa ở Hồng-mao, đều gửi điện-tín qua Úc-châu chúc mừng cô Amy.

Cô Amy được hoàng-đế chúc mừng, thật là sự vẻ vang thay. Mấy tuần-lễ trước, cô còn là một chi thư-ký nhà băng, mà bây giờ vua khen dân quý, nức tiếng hoàn-cầu.

Người ta hỏi sự cảm-giác của cô trong khi bay ra thế nào, cô nói:

Tôi tưởng tôi chẳng nên nghĩ tới cuộc mạo-hiểm này nữa thì tốt hơn. Nhất là khi bay ngang biển Timor, tôi sợ hơn hết. Thiệt tôi quá liều và tự tin nơi mình. Một cuộc bay như vậy đáng lý phải có kinh-nghiệm và sức khoẻ mới được, thế mà hai điều đó tôi chưa có cả.

Sau cô trở về Hồng-mao, rồi qua tháng giêng năm sau, lại một mình từ Luân-đôn bay sang Hồng-kinh nước Nhật hết chín ngày. Thế là cô lại bày tỏ thêm một việc mạo-hiểm dai-tài nữa. Cái danh người ta tặng cho cô là « Nữ Lin-Ber », thật xứng đáng lắm.

Lần này cô về Luân-đôn, thiên-hạ hoan-nghinh hơn là hoan-nghinh một bực vua chúa.

Ngày 30 tháng 7 năm ngoái, cô thành hôn với

Mollison, là một tay anh-hùng phi-tướng của Hồng-mao, thiên-hạ đều kính. Cô gặp gỡ Mollison là khi cô bay qua Úc-châu, Mollison đang làm giáo-sư phi-công ở đó. Hai người đồng tâm, đồng chí, đồng cái giục-vong mạo-hiểm như nhau, họ làm vợ chồng phải lắm.

Muốn ăn mừng cuộc nhơn-duyên của mình, tháng trước đây hai vợ chồng cùng ngồi chung máy bay vượt qua Đại-tây-dương mà sang Mỹ. Tuy rằng khi đến nơi hạ máy xuống, máy bay bị lật, làm cho hai vợ chồng bị thương, nhưng cũng đã có sự vẻ vang, đã thiết-hành được cái chí mạo-hiểm bay qua Đại-tây-dương rồi.

Ta coi cái đời một cô thư-ký đánh máy, chỉ nhờ có cái chí: « Muốn thì được » mà làm nên sự nghiệp anh-hùng như thế; cái đời ấy thật là tấm gương sáng cho người đời soi chung vậy. V. A.

Cho khỏi tiền mất tật mang

Chúng tôi sẽ trả tiền lại cho người nào, sau khi dùng hai phương thuốc này mà không lành.

1) Thuốc trị và phòng ho lao (tuberculose pulmonaire); ho ra huyết ra đờm; ho kinh niên, chữa cả bệnh bronchite và poitrinaire rất thần hiệu. Thuốc dùng hút hơi khói vào phổi và có đặc tánh: 1) nhuận phế chỉ khái; 2) sát trùng lao (baccilles de Koch) 3) chỉ huyết hóa đờm. Mỗi hộp to 2\$50, hộp nhỏ 1\$50.

Chúng tôi sẽ đăng mấy bức thư cảm tạ của M. Phan-đức-Thành ở Linh-cám (Hà-tĩnh) M. Trần-Khương-phủ Diên-châu (Nghê-an) và nhiều bức khác.

2) Thuốc trừ tuyệt bạch-thốn-trùng sản sơ-mit (ténia); tính thuốc ôn hòa và dễ dùng, trục mạnh đầu rùng ra máu. Xem thư cảm tạ hàng báo Tiếng-Dân. Mỗi hộp giá 0\$50, hai hộp mới đủ lành.

Mandat, thư mua để cho:

M. NGUYỄN-TRUNG-THÂM
Quảng-xá Đồng-hới

Sách mới xuất bản

Sách dạy nói năm thứ tiếng: Quảng-Đông, Phúc-Kiến, Triều-Châu, dịch ra tiếng Lang-sa và Việt-nam, trọn bộ 2 cuốn, giá 1\$00 ở xa 1\$30.

Hoa ngữ chỉ nam mới in lại kỹ 4e có thêm 60 trang, có tiếng Quảng-Đông dịch ra lang-sa và quốc-ngữ lai có in cả chữ nho nữa. Giá 1\$00, ở xa 1\$30.

TÍN-ĐỨC-THU-XÃ
57-58-59, Sabourain, Saigon

ĐOÀN-THIỆN TIỂU-THUYẾT

KHÔNG CÓ « AMOUR » !...

Trên một cái giường Hồng-kông tốt đẹp, trong nhà ngủ Tây-hoa... một cặp trai gái đang nằm song song mà thi-thầm chuyện vãn. Người đàn-bà nói:

— Minh! Minh! Minh nói mình thương em thì phải liệu tình làm sao cho em đừng cùng mình đoàn-tu nhứt giaặng hưởng cảnh gia-đình hạnh-phúc cho sớm, chớ nếu mình cứ để em một nơi mình một ngã như vậy hoài, thì em có gan dạ nào chịu nổi với cái cảnh « quân tại Tương-giang đầu, tiếp tại Tương-giang vĩ » hở mình!

Người đàn ông trả lời:

— Em ơi! em nên biết rằng hề lòng em làm sao thì lòng anh đây cũng vậy. Cho nên ngày nào mà đôi ta còn đương xa cách, chưaặng ân-ái tự-do, chưaặng công-nhiên nắm tay nhau mà dong ruổi trên con đường tình hạnh-phúc, thì ngày ấy anh cũng bận lòng rồi trí, ăn không ngon, ngủ không được như em vậy, chớ phải yên lòng gì đâu! Nhưng em hãy dân lòng chờ đợi trong ít lâu nữa, thế nào anh cũng tình xong. Anh đã đưa đơn xin ly-dị với người đàn-bà ấy trên Tòa rồi; bây giờ chỉ còn phải đợi lệnh Tòa xử, hề xử ngày nào thì xong ngày nấy. Nhưng nói thiệt cho em nghe, thì anh cũng lo ngại nhiều; ì: nếu vợ anh nó oán anh, ghét anh, muốn đeo theo mà báo đời anh, thì cũng rắc rối lắm...

— Ủ, thì em cũng biết trước như vậy mà! Dầu cho ra Tòa, nhưng khi Tòa hỏi thì nó cứ nói còn thương hoài, như vậy thì chuyện sum hiệp này có

lẽ tới đời, ba năm cũng chưa xong từa là...!

— Em đừng có buồn mà làm cho anh thêm rối trí chớ! Ở đời việc gì cũng vậy, hề muốn thì được, không cách này thì cách khác, hề nào anh cũng kiếm cách mà tình cho xong việc mới nghe...

Cốp... Cốp... Cốp... Nghe tiếng gõ cửa phòng người đàn ông liền vội-vàng chỗi dậy hỏi:

Ai đó?

— Đa, tôi đây ông ơi! Tôi thấy xe kéo của bà đầu ngay trước nhà ngủ nè ông! Chắc bà vô đây quá, nên tôi lật đất chạy lên cho ông hay.

— Vậy hả?

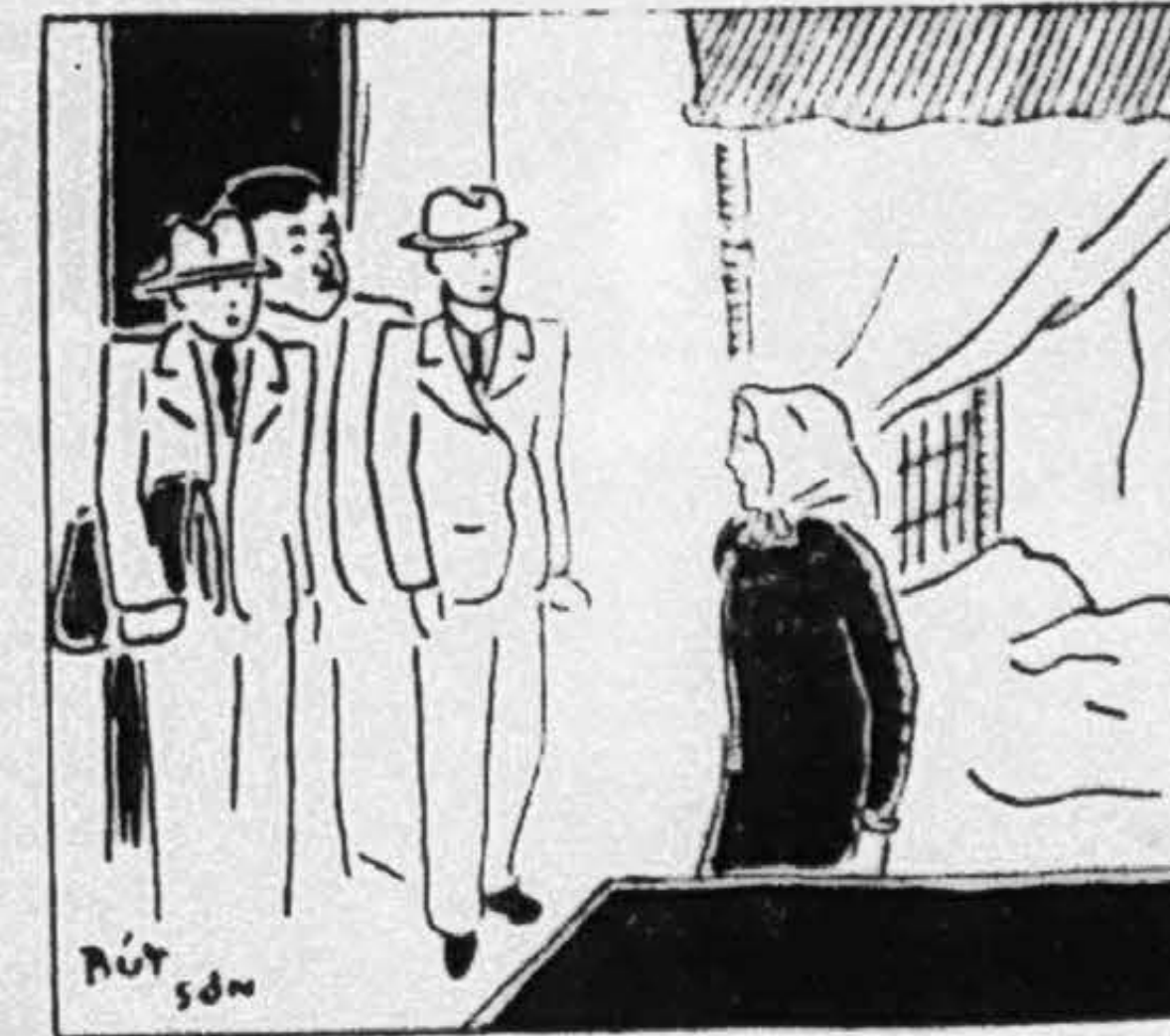
— Trời ơi! Làm sao mình?

Người đàn-bà vừa nói vừa ngồi dậy, hai tay lật-đật bởi đầu tóc đương xõ rất dài.

Người đàn ông ấy là giáo-sư Quà. Còn người đàn-bà nằm chung nói chuyện này giờ đó là cô bà Phụng, năm nay độ chừng hai mươi bảy, hai

mười tám tuổi là nhiều, người mập mạp, cao lớn, gương mặt hơi dài, nước da hơi đen, lông mày thì rậm. Chồng cô khi trước là ông François Đa, một nhà đại-thương-gia ở Saigon, si si cũng nghe tiếng; vì có bệnh lao, nên cưới cô bà Phụng đầu mới được có hai năm thì ông chết, để lại cho cô một cái gia tài thật to. Tuổi còn nhỏ lại có cha chồng, thêm giàu to nữa, đó là ba cái điều-kiện nó làm cho một người đàn-bà không thể nào ở yên, hay nói cho đúng, thì ba cái điều-kiện ấy nó làm cho người ta không bao giờ để cho mình ở yên.

Nhưng riêng phần về cô bà Phụng thì lâu nay



Rút Sơn

PHU NU TAN VAN

ai cũng khen cô là người đàn-bà khôn-qui lắm, bởi vì chồng chết đã gần bốn năm năm rồi mà cô vẫn giữ mình được toàn vẹn, đến nỗi những cái miệng hay thày lay nhứt ở thế gian cũng không kiếm ra chuyện thị-phi gì mà buộc cho cô được. Như g đến nay thình-linh lại thấy cô Ba kẻ về cò vai với ông giáo-sư Quà ở nhà ngũ Tùy-hoa — là một cái khách-sạn ở vào một nơi rất hẻo-lánh trong Bà-chieu, — thì chắc ngôn đồn cao-sơn lưu-thủy của Bà-Nha từ đây đã gặp được lỗ tai của Chung-Kỳ rồi vậy.

Giáo-sư Quà, người mới ngó cũng đẹp trai, tướng tá mập mạp cao lớn, nước da trắng trẻo mịn-màng, mũi cao, mắt sắc, năm nay đã bậm lăm, bậm sáu tuổi rồi, mà coi còn trai trẻ như người mới ba mươi. Trước kia ông ta có du-học bên Pháp, đậu bằng-cấp cử-hơn văn-chương và nay về vẫn dạy học ở các trường nhà-nước.

Giáo-sư Quà vốn con nhà gia tư rất tầm-thường, nên du-học bên Tây là một việc mà ta không hề nghĩ đến, nhưng số-dĩ đã đi Tây được thật là một việc may mắn bất ngờ.

Số là khi thi đậu bằng thành-chung rồi và sắp sửa tính xin ra làm việc, thì may nhờ tốt mai mới mà ông ta lại cưới được con gái của ông hội-dồng Hậu, là một nhà giàu lớn ở Bắc-liêu.

Sau khi đám cưới xong, thì có hai Tuyết — tên người con gái ông hội-dồng Hậu — liền đáp tàu đi tây với chồng. Có hai Tuyết, lúc mới lấy chồng, tuy không phải sắc nước hương trời, nhạn sa cá lán, nhưng kẻ cũng đẹp người lắm: Vóc dạc mảnh mai, chơn tay mềm-mai, gương mặt tròn hin, nước da trắng nõn, con mắt hiền-hậu mà thông-minh, nụ cười có duyên mà kín-đáo. Kể về đường tri-thức, thì thuở nhỏ có học trường Nữ-học Saigon, nên tiếng tây biết nói vừa suông, quốc-ngữ cũng viết khá đúng.

Nhưng than ôi! sắc đẹp của người con gái nào có khác gì cái vẻ tươi-lắn của đóa hoa hường, có khéo giữ lăm thì nó cũng chỉ còn được một lúc ban mai, chứ hoa kia có mấy lăm hơi hồng chịu nổi với sức phá hoại của bóng nắng mặt trời mà làm cho thụt lúi cái giờ tàn-tạ!... Phương chi có Tuyết, từ ngày trở nên Mme Quà, ngàn dặm theo chồng, mấy năm đất khách, kịp cho đến khi trở về bên này làm bà giáo-sư Quà, ngày giờ thắm-thoát, chưa mấy lúc mà đã làm vợ của bốn đứa con, cầu đời đã trải qua bao nhiêu nhíp, tài chi

nhân sắc chẳng kém với ngày cô còn chưa bước ra khỏi nhà ông hội-dồng Hậu dưới Bắc-liêu?...

Khi nghe tên bởi nhà ngũ báo tin thấy xe kéo của bà giáo-sư Quà đậu ngay ở phía trước, thì trong này cô ba Phụng mặt không còn một chút máu, hai môi run lập-cập mà hỏi dồn-dập rằng:

— Minh ơi! Làm sao bây giờ mình? Thật là báo hại cho tôi hết sức?

— Bây giờ biết làm sao? Chỉ để nó vô đây mà đánh nó một trận đặng nữa nó đừng theo làm xấu...

— Ý! Như vậy không được đâu...

— Thôi, nếu em không bằng lòng như vậy, thì hãy chịu khó chuẩn ngã sau đi về nhà nghỉ đi. Anh ở lại đây lấy chuyện này làm bằng cứ đặng trị con đàn bà khốn-nạn này cho nó biết tay.

Rồi ông ta lại kêu: Bồi!

— Da...

— Lại đây qua dặn em chuyện này: nếu em làm xong qua sẽ thưởng cho em thêm hai chục đồng bạc. Ông giáo-sư Quà kẻ miệng sát tai tên bồi nói chi nhỏ nhỏ chẳng nghe, mà thấy tên này gục gặt đầu lia-lịa...

— Ủa, anh nói ở nhà tôi ở phòng này sao chẳng thấy?

Bà giáo mắt vừa ngó lão-liêng thì miệng vừa hỏi tên bồi phòng khi này như vậy.

— Thì bà kiếm nội trong phòng đó chờ đầu! Rõ ràng hồi này tôi mới thấy ông với một cô nào đó lịch-sự quá, hai người dắt nhau vô phòng này đây mà! Tôi có đời nào biết nói láo đâu! Vả lại, ngày bữa gì ông giáo Quà mà tôi không biết sao?..

Nghe câu ấy chẳng khác nào như dầu chàm vô lửa, ngọn lửa ghen đương phừng phừng trong da! Bà giáo mặt mày xanh như chàm đỏ, tay chơn run như thần-lấn đứt đuôi, chạy kiếm áo đạc cùng phòng, dò tũ này, dòm trong kẹt nọ...

Thình lình nghe cánh cửa phòng đánh một cái rầm, bà dụt mình dóm-ra, thì thấy ông chồng bà hăm hăm ra bộ giận dữ, đứng chống nạnh ngay giữa cửa phòng với một người Tây và một người Annam mặc đồ Tây.

— Ý cha chả! Minh lộng quá há? Đàn-bà có chồng mà đêm hôm khuya khoác dám bỏ nhà đi theo trai đến phòng ngủ như vậy! Á? Ủ, tốt đẹp rõ-ràng biết mấy!...

PHU NU TAN VAN

— Trời ơi! Mà liệt mình nói vậy phải không?

— Thiệt hay chơi, lúc nửa đây sẽ biết!... Đừng có giả mù coi mưa! Đây, có ông Trưởng-tòa đây, tôi xin ông làm vi-băng giúp tôi rằng ngày này, tháng này, có gặp vợ tôi đi tu tịnh tại phòng-ngủ này...

— Trời ơi!...

Nghe chồng nói tới đó, bà giáo bết mình thấp cơ thua trí đàn-ông, tức cả ngực, nghẹn cả cổ, muốn nói mà nói chẳng ra lời, chỉ la được có hai tiếng: « Trời ơi! » rồi ngã xuống mà chết giắc.

— Má, má! — Má con sao vậy ba?

— Thì má bây đi lấy trai bị tao bắt được chớ sao?

— Má! Má!... Thờc đây vợ con mà!... Má! Má!...

Hai đứa nhỏ một đứa lên sáu, một đứa lên bốn, bu lại ôm lấy bà giáo vừa kêu « má! má! », vừa khóc om-sòm.

Số là từ lúc người ta bỏ lên xe hơi chở từ phòng ngủ về tới nhà, bà giáo Quà hơi còn nằm mê trên bộ ván ngựa ở đằng trước. Đến đây, mấy đứa con la khóc dữ quá mới làm cho bà chợt tỉnh cơn mê.

— Ủ!... Ủ... Ba con đâu rồi con?

— Ba mở tủ làm gì trong buồng á! Má ơi! hồi má đi tới giờ em Cúc nằm mê-mang má á!

Nghe con nói, bà giáo rần lồm-cồm ngồi dậy, xinh-xoáng bước vào phía sau, lại thò tay sờ trán đứa con nhỏ mới tám chín tháng, nằm ngủ chề-hề chần hần trong nôi, chẳng hề biết gì tới cơn sóng gió dữ dằng đương làm cho cả nhà phá toại bởi chuyển động... Tội nghiệp bà cúi xuống hôn đứa bé mà hai bên gò má nước mắt túa ròng ròng!... Nhưng tiếng lục-lục đổ bên tủ, làm cho bà ngừng mặt dóm qua, thì thấy ông giáo đang xếp quần áo, lấy đồ đạc bỏ trong va-ly:

— Minh tính đi đâu mà xếp đồ đó?

— Hừ! còn hỏi cơ cầu nữa á? Tao không muốn thấy đồ dâm loạn chogay con mắt, nên phải đi khỏi nhà này chớ đi đâu!

— Ai đời có khi không mình bây đều nói xấu

cho tôi như vậy mà nói không ngờ miệng sao có? Minh thử nghĩ lại coi, vợ chồng ở với nhau tu hồi nào tới giờ, vui vui chung, buồn buồn chung, phải chi trời không bắt hết một đứa, thì bây giờ cũng bốn đứa con rồi. Về tôi: âm đêm xét lại, trệt cũng chưa hề làm điều chi sai đạo lỗi nghi hết thảy. Minh nhớ cho kỹ mà coi, bởi mình đi nói tôi cũng năm mai bảy mối, lẽ nào lẽ kia mà sau ba má tôi mới già: chớ tôi há phải giống meo mà gà đồng bay sao mà có đi dò thỏ ăn xôi ở thì cho đáng!...

Ông giáo làm bộ giận dữ:

— Ăn xôi ở thì? Đâu nói lại nghe thử? Cha chớ! Mấy đám mông tao là đó thôi ăn xôi ở thì với mày á? Nếu tao mà ăn xôi ở thì, thì mày làm chi mà có tới bốn đứa con? Nhưng tao chẳng muốn nói đồng đại chi hết: tao không thể ở với mày một phút rạo rêu, vì mày là con đàn bà bậy-ba, chồng con sơ-sơ mà còn dám đi lấy trai! Bởi vì nếu không lấy trai, thì tao hỏi mày đi tới phòng ngủ làm chi nửa đêm, nửa hôm cá?

Bà giáo tức quá, hèn la lớn:

— Á, tôi ngờ mình là người ăn học nhiều thì đâu có chỉ đi nữa cũng còn có chút đỉnh tương-tâm kia. Chớ không hề mình làm việc quấy quá như trời, mà lại còn đặt đều nói xấu cho tôi nữa, thì mình phải biết tôi đâu phải con để, con trùn mà để cho mình tự-y muốn vậy đáp thì vậy đáp! Đây, tôi ở với mình đây là có hôn-thơ hôn-thu hẳn hoi, chớ phải chơi bởi cặp-xách gì, sao mà bỏ mình nói nghe để quá: muốn thôi ngay nào giờ nào thì thôi! Tôi đổ mình làm tôi ời!

— Ôi! Mày giỏi tài chừng cái « bấp-vẽ » (papier) của mày ra hoài! Tao nói cho mày biết: mười cái « bấp-vẽ » đó tao cũng coi như đồ bỏ mà!... Cái gì cũng chẳng qua cái « A mua » (amour) hết thảy; mày phải biết bởi đó tao lấy mày chẳng qua vì cha mẹ tao ép báo, nên tao phải n he lời, chớ nói thiệt, tao đối với mày chẳng có chút « A-mua » nào hết, mà mày ép tao phải thương mày là thương làm sao cho được chớ!...



— Minh đừng có dở cái giọng « mầy tao mi tớ » nói khó nghe quá trạ ! Bộ làm thầy giáo dạy lễ nghĩa cho học-trò, chớ phải làm cu-li xe kéo đâu !

Ông giáo quát nạt :

— Nin !

— Thật ngày nay tôi mới biết rõ lòng da của mình ! À, té ra mình cười tôi hồi đó là tai ba má ở nhà ép ưỡng, chớ mình chẳng có « A-mua » A-miếc gì với tôi hết ! Trời ơi !... Mà mình nói vậy có khi nhảm : nay tôi xét lại, thì hồi đó mình cười tôi, thật chẳng phải thương yêu chi tôi mà chính là thương yêu cái gia-tài của ba má tôi ! Đến nay chẳng may vì nan kinh-tế khủng-hoảng mà ba má tôi bị suy sập, còn mình thì đi Tây học đã rên danh, nên giá rồi, nên mình còn ở với tôi làm chi nữa !.. Tôi nghèo rồi, gia-tài sự sản tiêu hết rồi, thì « A-mua » của mình nó cũng tiêu theo ! Còn con ba Phụng nó giàu có, gia-tài sự-sản nhiều thì mình có « A-mua » với nó chớ sao !... Ôi ! chớ chớ vợ vợ cũng đã hơn mười năm nay, mà thật tôi không dè cái tâm-dịa mình như thế !...

— Nin ! Là tao biểu mầy nin ! Mầy không có phép nói xấu người ta...

— Tôi không nin, mình giỏi làm chi thì làm. Tôi nói hoài, nói mãi, nói cho đã hơi của tôi và cho mình biết cái tư-cách đê-mạt của...

Bà giáo Quá nói chưa dứt lời, thì bàn tay to lớn của ông bỗng xáng vào gò má phía tay mặt của bà nghe một cái : « chát ! » Cái tát tai nặng nề đến nỗi làm cho bà giáo té chúi xuống nền nhà... Cùng một lúc ấy, đứa con nhỏ của bà, nãy giờ vẫn đứng xít cái nói cho em ngủ ở đầu kia, vùng la ré lên rằng :

Ở đây nè các bà, các cô !

Các bà các cô đi kiếm đâu cho thất công, thuốc « Phụ-nữ điều kinh » hiệu Đức-Trọng nhân ngôi sao năm nhánh của người Annam bào chế ở đây nè ! Các bà, các cô, đường kính trời sụt, có bạch đới và làm bằng áo uống không tiêu, ngũ tạng được, nhưc mới trong thân thể, nước da vàng như bệnh hậu, miệng ợ chua, việc chi cũng chán nản ; xin mua thuốc này uống vào thấy công hiệu.

Mỗi ve giá 1\$,00, có bán ở nơi đại-lý sau này : Nguyễn - thị - Kính, Aviateur garros N° 30 Saigon, Bazar bên Sport-Gocong ; Librairie Nghĩa-Trọng Boulevard Saintenoy Cánhthor, Bazar Minh-Nguyệt ở Phan-thiết (Annam).

— Má ơi má ! Mau lại coi em Cúc sao dụt tay, dụt chơn và trợn trắng con mắt đây nè !

Bà giáo hoảng-hồn chạy lại, thì ra đứa bé nằm trong nôi thỉnh linh nổi chứng kinh-phong, (là chứng bị-h cũ của nó từ ngày mới đẻ tới giờ), mà sôi bọt mồm, bọt miếng lạnh, ngắt cả chơn tay. Lật đặt ấm đứa nhỏ dậy, bà giáo vira khóc bệu-bạo, vừa nói :

— Trời ơi là trời ! Biết làm sao mà cứu con tôi bây giờ ?...

Đầu con chạy ra đường kêu cho má cái xe kéo dặng má đem em lại nhà thương thì gặp coi !

Thừa lúc lộn-xộn, ông giáo-sur Quá tay xách va-ly bước ra đành-đoạn mà miệng vẫn còn nói mấy tiếng lầm bầm :

— Hừ ! Khéo làm bộ hoài !.....

PHƯƠNG-LAN

Sở tới sẽ có bài :

1° Phê bình kịch « bạn và vợ ».

2° Bàn về cách diễn thuyết :

sáu điều diễn giả cần phải biết.

(Kỳ này vì nhiều bài quá nên những bài : Vệ-Sanh, diễn-văn của cô Nguyễn-thị-Kiểm và Nu cười của cô Cúc phải hoãn lại kỳ tới).

B. B.

**Các bạn đồng chí và cảm tình !
cố động cho PHỤ-NỮ TÂN-VĂN**

Nhan Trâm Hương

Của Annam làm

Một thứ nhan rất quý làm bằng trâm hương thiệt. Đốt một cây thì thơm phứt cả nhà.

Có bán tại hiệu Nguyễn-thị-Kính chợ Saigon, và mỗi bao mười cây lớn giá 0\$10. Một gói 10 bao giá 0\$80.

Nhà chế tạo :

M. Hồ-vân-Vàng
Làng An-nhon - Gladinh



HÒN MÁU BÒ RƠ'I

(Tiếp theo số 211)

IV. — Quyển sách làm mai

Chủ khách nói chiếu-lệ vài lớp-truyện cổ-kim, một chập thầy giáo lấy quyển sách Hán-văn trên cái ghế nghỉ xống đọc. Thầy đọc đôi hàng thế nào thầy cũng « bi » một vài chữ. Mà có ông thầy chữ Hán ngồi một bên đó chi. Thấy « bi », ông Trần-thiện-Tâm nhắc và giải nghĩa cho. Thầy giáo đọc mười tờ sách thì nghỉ dặng tập viết. Ông Trần nói : — Thấy giáo thiệt sáng. Thầy học có mấy tháng mà bằng người ta học mấy năm. Con Kim-Phụng tới cũng là sáng chớ, nhưng cũng thua thầy.

Cánh Du mừng rỡ, hỏi : — Bác nhảm coi tôi học với bác chừng bao lâu nữa thì coi truyện Tàu dặng ?

— Kh'ng bao lâu ; giặc chừng bấy giờ thầy tập coi cũng dặng.

— Có lẽ nào, bác ?

— Thầy chưa biết nhiều. Tuy vậy thầy tập đọc thì nó ra chữ thế mà. Vậy bữa nào thầy mua truyện qua đây đọc, tôi chỉ dẫn cho. Coi vậy chớ không khó đâu.

Qua ngày sau, Cánh-Du lại nhà ông Trần. Thầy có đem theo một quyển tiểu-thuyết Tàu, tựa là « Ngọc Mỹ-Nhon ». Lúc thấy lại thì ông Trần-thiện-Tâm đi khỏi chưa về, chỉ có Kim-Phụng ở nhà.

— Chào thầy hai.

Ấy là Kim-Phụng thấy khách tới thì chào hỏi.

Chào hỏi khách rồi thì cô đi rót nước.

Cánh Du hỏi :

— Bác đi chơi phải có hai ?

— Ba tôi đi hết thuốc, và mời đi ; chừng một chút sẽ về. — Thấy cầm sách chi đó ?

Cánh-Du lòn-lẽn cười và đáp :

— Thưa, quyển truyện Tàu, mới mua.

— Tựa là gì ? Thưa thầy.

— « Ngọc Mỹ Nhon » — Truyện này, người ta có đọc rồi và nói lại, sự tích đã ly kỳ, văn-chương lại lý-hú lắm.

Tác-giá :
PHAN HUÂN CHƯƠNG

Kim-Phụng chưa kịp nói gì thì Cánh-Du lại hỏi :

— Có có đọc sách này chưa ?

— Chưa. Vậy thầy đọc cho tôi nghe với.

Cánh-Du cười và nói :

— Chứ tôi nhiều lắm, tôi đọc chắc có hiểu không nổi !

Kim Phụng cũng cười.

— Vậy, thầy mua làm chi ?

— Bác có dạy : Học phải tập. Học không tập, thì không bao giờ giỏi. Tôi mua nó cốt đem đến đây nhờ bác, nhờ cô hai dẫn dắt giùm cho.

— « Tam ngu thành hiền » chớ tôi cũng không giỏi gì. Nhưng trong lúc ba tôi đi vắng, thầy ngồi lại đọc thử đi, chữ nào thầy chưa biết mà may tôi đã biết, tôi xin nhắc thầy.

— Đa tạ lòng tốt của cô hai. Tôi xin thọ giáo.

Cánh-Du mở sách ra, lò mò nhìn nhận từng chữ.

Truyện này khởi tả một đoạn ly-hương của một chàng thiếu-niên. Chàng tả rất khéo, khéo cho đến một câu văn, một cái ý, chan chứa cảm tình, khiến cho người nghe đầu chưa bước chơn đi đâu, chớ cũng nảy sanh ra cái cảm giác mơ màng hình như mình đương linh-dinh nơi đất khách vậy.

— Cái đoạn văn ấy khéo tả quá thầy hai há.

Kim-Phụng đoạn ngang lớp truyện và nói như vậy, Cánh-Du ngưng đọc để trả lời :

— Tôi mới biết văn-chương Tàu là lý-thú.

— Thầy lại đây được một năm rồi chớ phải ?

— Thưa, một năm.

— Thầy có nhớ nhà như vậy không ?

— Quê nhà thì làm sao mà chẳng nhớ.

— Tôi chưa đi xa xứ một lần nào, phải chi được đi một lần thử cho biết coi cái nhớ cái buồn như thế nào.

— Thưa, người có đi ra khỏi nước nhà mới thiệt là ly-hương. Có gặp cái cảnh-huống xa nhà xa nước thiệt, mới nếm được cái mùi ly-thú khôn tả. Ở chung-quanh trong đất nước nhà, thì có đâu

biết được cái buồn ly-hương ra làm sao ?

— Vậy chẳng là thầy không buồn ? Thầy vui ?

— Thỉnh-thoảng cũng nhớ cha mẹ quận quê trong lòng ; nhưng tôi cũng gượng làm vui như thường.

— Thầy giải cho tôi nghe rành thử coi tại sao nhớ quận quê mà lại còn vui như thường. Người ta hề nhớ thì buồn ; sao thầy nhớ lại vui ?

Kim-Phụng hỏi vậy rồi mỉm cười.

Cánh-Du nghĩ sao không biết mà hơi lهن một chút. Liền đó thầy trả lời :

— Cô nghiệm thì biết. Người đời không gì buồn bằng cái cảnh cô độc. Già tôi mà cô độc thì tôi chạy đi đâu mà chẳng có cái ly-sầu. Trái lại con người ở đời không có cái gì giải sầu, và như là cái ly-sầu, bằng cái tình bè bạn, và cũng như là cái tình bè bạn có đồng-tâm tương-thức. Tôi lại đây may có một cái cảm-tình nó khuấy khỏa được lòng sầu muộn của tôi. Cho nên tôi nói buồn mà vui.

Kim-Phụng đưa mắt ngó Cánh-Du.

Cái ngó ấy là cái thước đo tâm-lý, nó độ từ lời từ cái cử chỉ của Cánh-Du cho biết thầy dung tâm vào đâu.

Cánh-Du đương hứng nên cứ việc nói :

— Cái cảm tình này sanh ra bởi cái hòa-khí của nhà cô. Cao nên, chẳng những tôi khuấy khỏa được cái buồn nhớ nhà mà thôi, cho đến bao nhiêu mảnh buồn vun vạt lượm lặt ở ngoài, hề đem nó vào đây, đều biến cái buồn-chất nó đi, mà hóa trở nên vui cả. Lấy đó mà suy, thì cái tri thức mà đến đằm đà, cũng là có quan-hệ đến tánh tình của người ta lắm. Cô nghĩ có phải vậy không ?

Kim-Phụng vui miệng nói :

— Quan-hệ làm sao, thưa, tôi chưa từng biết. Tôi chỉ tưởng có lẽ vì thầy yêu trọng cha con tôi hơn người thường, nên thầy mới nói ra câu ấy. Nhưng mà thôi, tôi không nghĩ chi xa. Tôi chỉ nghĩ thầy là người chơn thật đối với nhà tôi, tôi đây, dần thế nào đi nữa, cũng...

— Úy ! Ba tôi về kia. Ba mua gói chi đó ba ?

— Dạ thưa bác.

— Quyền sách chi đó thầy hai ?

Ông Trần-thiện-Tâm thấy Cánh-Du cầm cuốn sách trên tay toi hỏi như vậy.

— Thưa quyền tiểu-thuyết Tàu tôi mới mua.

— Thầy đọc được không ?

— Có nhiều chữ mắc, tôi nhớ có hai bảo giùm tở này giờ, tôi đọc được bộn và cũng hiểu biết

nhieu.

— Ấy đó, học thì hay, tôi đã nói vậy mà.

Ông Tâm về thỉnh linh, làm cho Cánh-Du dứt mình. May sao, nhờ có câu nói lếu đó, Cánh-Du mới yên bụng.

V. — Tao đổ mầy

Hôm ấy, sau một câu chuyện « trông xoài », từ giả họ Trần về, dọc đường Cánh-Du nhớ lại mấy lời nói của Kim-Phụng đang dở chừng đứt khúc thì thầy nghĩ thầm rằng : « Cô Kim-Phụng nói gì mà : « ...Tôi đây, dần thế nào đi nữa, cũng... » Ừe quá ! Ta muốn nghe lời ấy cho trót lọt. Ông già ở đâu về bức-tử người ta quá ! »

Cánh-Du đi chậm chậm, cúi mặt xuống đất, thâu hết sức óc vào một cái tư-tưởng : đem câu dứt đoạn của Kim-Phụng ra phân tách từng mảnh mung vun vắn để mà xem xét, mà chiêm nghiệm, mà bỏ-khuyết. Gán trong mình như thâu rút lại, mà gán sau ót lại như nổi lên. Đi ít bước, thầy nhích miệng cười, cái cười rất đa tình, cái cười có chan chứa hi-vọng. Cái cười ấy tả ra thầy đã hội-y được cái ý-tưởng mà Kim-Phụng chưa kịp nói.

Khi ấy bên tai thầy, nghe một tiếng hết sức nhỏ, nhưng thanh tao tỏ rõ, in như tiếng trong ống điện-thoại truyền lại rằng : « ...Tôi đây, dần thế nào đi nữa, cũng *nguyên ghi tạc đá vàng, cùng nhau làm cặp chim liền cánh ở trên trần gian này, và tạo cho nên một cảnh cực lạc, để cùng nhau an-hưởng.* »

Nghĩ thế cho là phải, thầy vừa ý lắm. Thầy lại suy nghĩ liên miên : « Kim-Phụng được vẹn toàn mọi về. Ừa, mà sao người dường ấy lại đành yên giấc cô-miên đến tuổi này ? Ai đâu xui cho ta cũng có sẽ dựng tạo-phùng hạnh ngộ vậy mới nhằm câu ngàn dặm duyên lành cho. »

(Còn nữa)

TRANG-SU CO-VAN

NGUYEN-AN-NINH

LUAT-KHOA CO-NHON

95^{bis}, rue Lagrandière, Saigon

ĐÔI CÔ ĐẲNG

(Tiếp theo số 211)

Nói đoạn, cô hất tay gả nọ mà đi. Chẳng dè thằng « quái gỡ » ấy nó nắm tay cô mà cười trây-trừa rằng :

— Hai đứa mình đi chung với nhau mà ! Cho tôi tớ đôi lời hơn thiệt, chặp nhéo he nhen có hai ? Có vùng-vẫy mà nạt :

— Ờ, đừng làm thói khốn-nạn vậy nà ! Nói xàm, tôi không nghe đâu ! Đừng thấy tôi một-mình mà toan dở ngón già-man ; tôi là bây giờ đã !

— Trời ơi ! hai mình chớ đâu phải một mình, có ! Thương cô đứt ruột lặn mà !

— Mà tôi đã nói rằng tôi chê anh, tôi ghét anh, không nghe sao ?

— Phải rồi ! Tại « mầy » mê thằng điên đó quá mà ! Cô Doan giận lắm, nói to lên :

— Tôi cấm anh, biết không ? Tôi chẳng cho anh nói động đến người vô-cán ! Và, anh với tôi là, anh không có quyền kêu tôi bằng « mầy » đâu !

Thằng khốn biết mình đã bước sai đường. Song nó quyết thế nào cũng được việc nó mới nghe, bèn ôm dái cô gái vào mình, toan úp mũi kén-kén của nó lên gò-má tinh-vi của con nhỏ !

Cô gái dẫy dụa, lánh bên này, né bên kia, gần dúi sức rồi. Thằng kia toan kéo cô vào cho « tiện lý xây » ; song tay nó vừa với ra, thì ai đâu « vớ », xuống một cái làm cho nó rụng-rời, đoạn bồi thêm một đập, nó té lăn xuống hố !

Cô Doan mừng quính, kêu to :

— Anh Mò-Rít !

— Nó muốn làm hại em phải không ?

Mò-Rít và hỏi và chỉ thằng kia, nó lồm-cồm đứng dậy mà chười thề, quần áo lem-luốt.

Cô kéo tay, rú Mò-Rít đi và trả lời :

— Ừ ! ... nó muốn... Mà thôi ! chuyện bậy bỏ đi. Nó không dám nữa đâu !

Từ đó nội nhà Lang-Ri càng thương Mò-Rít ; vì cô Doan là gái ngay thật, lúc về có thuật với mẹ việc xảy ra dọc đường. Cô gái càng wa Mò-Rít thêm.

Người cũng vậy. Người xem cô Doan như mấy bà tiên nhỏ, gọn-gàn vui-vẻ, hay cứu khổ, hay làm cho kẻ khốn nạn khỏi lúc bi-sầu.

Trong sự thương của người đối với cô Doan, có sự kính trọng, sự tung-tiu, sự trung nghĩa.

Phần cô Doan, tánh hay nghĩ viễn-vông như mấy cô gái còn tơ, có tin chắc rằng Mò-Rít nguyên là người thông-thái, người sang-cả, một ông hoàng nào đây, bị kẻ bắt lương hãm-hại. Có tiết lòng trông-mong đến ngày kia có kiếm được phương thuốc hồi-sanh cho cái linh-hồn thất-diệt của người.

Đầu phải trao cái áo tốt, đôi hoa-tai rất thích của cô, luôn cả mấy con bạch-yến của cô rất tung tiu, dâng chuộc cái tri mắt của người, cô cũng sẵn lòng chịu, qui hồ cho người trở-lại cái địa vị xứng-dàng của người.

Vì vậy mà tối nào, ai nấy trong nhà an giấc hết, cô còn chong đèn nơi tư-phòng mà suy-nghi, tìm-tòi, và học-hành thêm, khảo-soát bải vở cũ cho đủ tư-oách để dạy Mò-Rít được cái tri phò thông.

Thật đều ấy cực trí lắm, cần có đức nhẫn-nai lắm mới được.

Cô dạy Mò-Rít âm-lã, sử-ký, toán-pháp ; song cô nói thầm rằng khi kia cái trí nhờ tái-nhập trong cái đầu thông-minh của học-trò cô, chắc người sẽ lấy làm buồn cười cho cái chương-trình của cô. Đều đó cô dám tưởng chắc như vậy.

Cô còn nhớ, lúc anh Được mới nhờ Lang-Ri cứu đem về, dẫu rằng đương trong cảnh-trang cùn khổ, quần áo của người chẳng phải theo lối quê-mùa. Tay nhỏ, trắng, trắng rộng, cách nói thông-thái ; mấy đều ấy là cái chứng-lý rằng anh Được là người ở hạng thượng-lưu tri-thức. Thật cô chưa biết hạng đó ; song cô độ cho cũng như mấy bực đãi-các thường có dịp ngồi xe đẹp-để chạy ngang trước nhà cô.

Một đều nữa, hình như các đức-tình của thường như không còn ăn-núp trong tâm trí người.

Ái thử nói chuyện hoa-tình, người chỉ cười lại ; chẳng phải cái cười chán đời ; ấy là cái cười của kẻ dối, khờ, không hiểu tình là gì cả.

Buổi vui nhưt trong ngày của nhà nông là buổi chiều. Rồi công rãnh việc, mọi người nhóm lại chung quanh lò sưởi để bàn năm ba câu chuyện mùa-màng, thỉnh-thoảng có giọng hát-hước làm ra tiếng cười rộ.

Thường khi, mỗi người thuật một cái tiểu-sử gì đó. Mấy bà già, không hăng-bái, ngồi may. Mấy ông

PHU NU TAN VAN

lão lai khác, luận biện mãi về « vấn-đề giấy-dưa », cho đến quên nết cái ống điếu, cừ đờ tắc mãi.

Còn nói gì mấy chú trai thì chẳng những họ ham cười nói, họ giận nữa.

Giữa đám vui-vầy như thế, Mò-Rit vẫn làm thỉnh ngồi nghe, dường như kẻ rưng-rù mới lọt vào xã-hội, chằm chằm để học đều mới lạ của đời văn-minh.

Lâu lâu Mò-Rit hứng-chi, cũng muốn nói chuyện. Mọi người sẵn lòng nghe; song, tội-nghiep, Mò-Rit không con nhờ mình phải nói gì, ngập-ngừng, chất lưỡi rồi nín tuốt!

Mấy lúc ấy trong trí người-biến xảy ra sự lạ-lùng.

Hình như những miếng vung-vân của sự kỷ-niệm gì đâu nó ráp lại, hơi rõ rệt, bỗng nhiên sáng bừng ra như tia mặt nhật hiện vào chỗ tối-tâm.

Mừng lắm, đặc chi lắm, người nổi:

— Máy ông muốn nghe một chuyện nó xảy ra cho tôi không?

Cả thấy đều nín, ước ao rằng ngẫu-nhiên biết được tâm-sự của Mò-Rit, là người sống vô mục-dịch, vô căn-cội mà ai nấy đều thương tưởng.

Hời ôi! Vừa thoát được vài lời, người liền ngừng, lăm nhăm thêm mấy tiếng vô liên-tiếp rồi lặng-lẽ.

Cái tri nhờ của người đã bay đầu mất một lần nữa.

Những hiện-tượng trong đầu của người phụt ra lẹ như trên màn chớp bóng, rồi biến!

Người giận như điên, tức mình, đi kiếm chỗ vắng mà khóc! May có nhờ cô Doan khuyên giải, làm cho nỗi khổ-tâm của người cũng tẩu lẩn đi mà nhường chỗ cho sự hy-vọng.

Nói về đời hiện-tại, từ đây Mò-Rit cũng đã được sống như ta rồi, nghĩa là đã biết dùng tri-tướng rồi.

Nhiều phen, tân-sĩ Mệt-Xê, là lương-y có thâm bịnh Kiệt-Lư thuở mới nhờ Lang-Ri đem về, tiện đường có ghé hỏi về sức khỏe của người mất-tri.

Tân-sĩ là người hào học, biết rằng trong đời có nhiều điều mà non-tri phải chịu thua. Cái bịnh của Kiệt-Lư (than ôi! nó hại đã nhiều người) là một trong mấy điều đó vậy.

Ấy vậy, lương-y Mệt-Xê lấy làm đề ý mà xem sự tấn-bộ của phần tri Kiệt-Lư.

Tân-sĩ rất chịu sự săn-sóc và sự giáo-hóa của cô Doan, ấy là một cách trị bịnh linh-hồn cho Kiệt-Lư; có thể mong rằng ngày kia được hiệu-quả. (Còn nữa)

XÃ-HỘI, PHONG-TỤC TIÊU-THUYẾT

NU'OC ĐỤC BỤI TRONG
CỦA BÍCH-THỦY

(Tiếp theo số 211)

CHƯƠNG V

Nhà tan cửa nát

Những bức thơ Ngọc-Dung gửi về Kỳ-Xu ên làm cho chàng đau đớn trong lòng quá! Đau đớn? — Vâng, không đau đớn sao được! Những bức thơ ấy, thoát tiên chàng mong-mỏi như người ở trong biển « Thất vọng » chờ đợi thuyền bè ra chân-nịch, thì bây giờ chàng cầm bằng những lượn sóng mãnh-liệt bồng-bộ đập vỗ vào đầu chàng mà gièm đả chàng xuống mấy tầng đáy thâm-u lạnh-lẽo! Chàng không muốn, không dám đọc thơ của Ngọc-Dung gửi về nữa! Mỗi lần người phu phát thơ (1) đem đến cho chàng một phong thơ màu hồng hoàng, bên trong có in mấy đường dọc xanh biếc, bên ngoài có đóng dấu keo đỏ hiệu « Mai-phủ », là Kỳ-Xuyên ngăn ngại không dám thâu nhận, và sau khi thâu nhận, lại ngăn ngại không dám cậy ông giáo đọc giùm. Bởi sao? — Bởi mỗi bức thơ của Ngọc-Dung là một lát hùa vô-tình chạm vào óc chàng, mỗi dòng thơ của Ngọc-Dung là một mũi tên đâm thấu độc chĩa vào quả tim chàng, trách nào chàng chẳng ghé gớm khiếp sợ!

Người ta — không kể về phương-diện chông vợ nó thường có cái tình kháu-khít nồng-nần hơn, chỉ kể độc một cái tình bầu bạn thôi — mỗi khi xa cách nhau trong độ lâu lâu, còn ai lại chẳng nhớ nhau? Huống nữa đương cơn bán-hoàn tương-vọng cố-nhân mà bỗng nhận được thơ từ

(1). — Ký-giả rất lấy làm lạ mà thấy phần đông người mình quen gọi người phu phát thơ là phát-tơ. Tiếng này, duy những người có học tây, hoặc không có học tây mà tai thường nghe nói đến, mới biết là nghĩa gì. Vậy đương lúc hai tiếng phát-tơ còn là cái di-từ của một số nhiều người, nghĩa là nó chưa thông dụng trong nước, ký-giả tưởng nên thuật nó trong ban ngôn-ngữ Việt-nam mà đem tiếng khác thay vào, chính là mấy tiếng « người phu phát thơ » ký-giả dùng trên đây, vừa là tiếng ta dễ hiểu, vừa có âm-hưởng gần giống như tiếng Pháp (phát-tơ / facteur).



của cố-nhân đưa đến cho, thì bức thơ ấy có phải là cái vô giá-bảo không? Nhưng tiếp được thơ của vợ yêu mà lại là người vợ bạc-tình, thì bức thơ ấy có phải là một thanh lưu-cầu để « tru-thần trâm thê » của người đọc thơ không?

Kỳ-Xuyên ở vào cái tình-cảnh thứ hai này, cho nên chàng chán-ngán ghé-sợ thơ-từ của Ngọc-Dung là phải!

Ừ, chán-ngán thật! Thì trong bức thơ chàng gửi ra cho vợ, chàng há chẳng có năn-nỉ van cầu vợ trở về sao? Chàng há chẳng kể rõ nỗi nhà điên-bại, nỗi con binh-hoan sao?

Còn chàng?

À! chàng! Ngọc-Dung đã chán biết chàng yêu vợ như thế nào rồi! Bây giờ không cần nói, tất nhiên nàng cũng có thể đoán biết chàng yêu vợ, nhờ vợ, sâu vì vợ như thế nào chứ? Thế mà hồi đáp cái bức thơ « tâm-huyết » của chàng, Ngọc-Dung chỉ qua loa có vài lời « phủ-ủy » rất chường tai xót ruột, lại khoe-khoang được chữ bán-đãi, lại chê chàng vô-nghi-lực, lại tỏ ý khinh-lơn tình-nghĩa « táo-khang » bằng một giọng van chửa cay mà quả quyết! Cảnh-ngộ ấy, hỏi ai là người đương-cước, phỏng đứng cầm tức, đứng buồn-rầu, đứng vờ-nỡ? Ờ-tại có được không?

Than ôi! tuyệt rồi mây tan, tình phu-phu cơ-hoả thoáng qua trong giấc mộng; mà tơ duyên ngắn-ngũi, niềm ái-ân như một tiếng hát diễn ra giữa hi-trường!

Kỳ-Xuyên ra thăm vào sâu, nghe tiếng con khóc sọc nhờ đến người vợ bội-học, cái con người ấy bây giờ đã quên cả cương-thường đạo-lý nên mới

FABRIQUE A PONTARLIER (DOUBS)
D'APRÈS LE PROCÉDÉ ORIGINAL
SOCIÉTÉ NESTLÉ (FRANCE) PARIS

Một món ăn
vừa lành, dễ tiêu
và bổ là :

**BÁNH SỮA
PETIT GRUYÈRE
NESTLÉ**

đánh lãnh chồng bỏ con mà yên vui một mình ở chốn «tha-hương» kia rồi.

Lãnh chồng ? bỏ con ?

Không yêu chồng nữa, thì lãnh chồng cũng cho là được đi. Đến như con là màu tuyết, đầu xanh đã tội-tình gì, sao kẻ làm mẹ lại có người đang tâm như thế được ?

Hỏi lẽ nào người vợ trệt-thả trung-hậu kia lại chóng quên những khúc thời-gian êm-đềm sáng-sủa cùng với chồng Âu-yếm trong một tốp lều tranh xấu-xi, cái tốp lều tranh ấy tuy là tệ-xá của một đôi nam nữ nghèo-bèn thật, nhưng nó đã từng làm cái « kim-độc » cho một đôi nam nữ biết tin cậy nhau mà sanh-hoạt một cách hòa thuận vui-vẻ, chẳng ai có cái mộng-tương-tương-ly ?

Nào những lúc đi sớm về tối, chãi nắng dầm sương, vợ chồng cộng-lực phấn-đấu với thửa đất ở dưới chân núi Bồng-lãnh mà không được kiến hiệu gì ; nào những lúc gió táp mưa sa, dòi rét bùn than, vợ chồng đăm-đương mọi nỗi ứ-dương thống-khò của nước đời doanh-hư liêu-trưởng. Những lúc ấy, há chẳng phải là một « mở sinh thú » hoặc một bài học hay ? Há chẳng phải là cái « dạy thảo ai » càng kết chắc duyên kim-cải, hoặc cái « giải đồng-tâm » càng trói buộc vợ chồng lại làm một, khấn-khít như bóng với hình ?

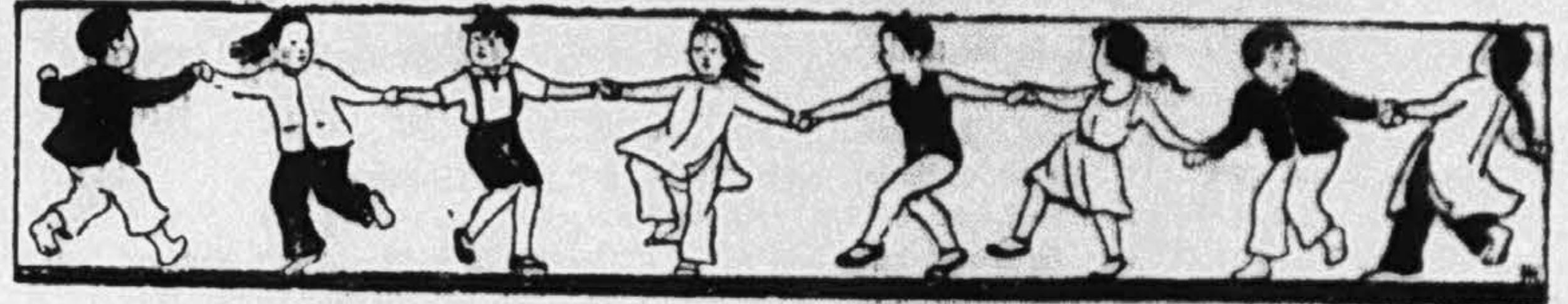
Mơ-màng cảm-khái, Kỳ-Xuyên thỉnh-thoảng thử người ra mà triền-miên ôn lại cái cảnh-tượng êm-

đềm quang-diễm, cái phong-vị tươi-tốt dịu-dàng, đã la liệt ra trước mắt chàng thuở trước.

Hoàng-hôn ư ? À ! cái buổi hoàng-hôn tĩnh lặng mát-mẻ này đây ! Trước kia, đối với ai, sao mi là bức tranh thủy-mạc thanh-đạm để cho ai thường tâm ngoạn-mục ? Sao mi là cái mền-nỉ mềm-mại ấp-ấm để đắp-điểm cho ai trong lúc họ cùng với bạn trăm năm chung gối mà hâu-lạc truy-hoan ? Bây giờ thì mi ra thế nào ? Than ôi ! Bây giờ sao mi tiêu-diêu thắm-đạm như một vườn hoa vô-chủ vào độ qui-xuân : cỏ cây mọc loáng, rêu phong dẫu giầy ; lá úa tươi-bời rụng, hoa tàn lác-đác sa ; giậu đờ rào xiêu, nhện-giăng để khóc ! ? Sao mi nặng nề âm-ướt như cái âm-khi ở nơi thỏ-mộ sấm uất : lau sậy thì-thào, gió trời hiu-hắt ; cỏ-thu tro hình quỉ, sinh-số ăn bóng ma ; rân thối ve ngâm, củ gáo giới lượn ? Sao mi khác xưa đến như thế, hử ? ?

Hỏi tưởng lại những ngày hứng-thú vào khoảng 8, 9 tháng về trước, Kỳ-Xuyên chẳng khỏi ngậm-ngùi sái luy !

À ! những ngày ấy mặn-mà khá-ai biết chừng nào ! song « ngày vui tắt bóng chông đầy găng », nó tiếp-tục nhau mà giục-giã thoảng qua như bạch-câu quá khích, như thế-thủy hành-vân ; nay có tiếc mà ngoảnh cổ lại nhìn thì nó đã mất hút tăm-dạng cả rồi, chỉ trong mấy phen thò lặn ác tà n à tưởng chừng như cách xa mấy thế-kỷ ! (Còn nữa)



Phán-Nhi-Đông

Em Thanh và sóng gió

Ngồi trên bãi cát trông ra biển, thấy một chiếc thuyền con bị sóng nhồi gió tạc, lúc trời lên lúc hụp xuống giữa vùng mông-mênh bát-ngát, em Thanh nói :

— Chà ! Mấy lượn sóng n, oài kia trông dữ-tợn ghê-gớm quá ! Chiếc thuyền con ấy không khéo rồi sẽ bị nó nhậu chìm mất, phải không anh ?

Tôi đáp :

— Sóng gió tuy mãnh-liệt như thế, nhưng bọn thủy-thủ trong chiếc thuyền kia có lẽ đã tinh thông nghề hàng-hải, nên họ mới dám đi biển nhằm lúc này và vẫn kềm giữ chiếc thuyền được vững chãi. Em cứ xem cái cử-chỉ tinh-táo của họ lúc họ điều-khiển chiếc thuyền, thì đủ biết họ không khiếp oai sóng gió mà nào cả. Dầu thế nào mặc lòng, sóng gió không phải là không có sức thắng-quá nhận-lực đâu. Những cơn sóng to gió cả, nghĩa là những lúc có bão-tố, đừng nói gì đến chiếc thuyền mông-mảnh bé nhỏ ấy, dầu cho những chiếc tàu biển có sức trọng-tài to lớn cũng khó mà tránh khỏi cái họa trăm-một !

— Sóng gió nguy-hiểm như thế, thì Trời sanh nó ra làm gì, hỏi anh ?

— Trời nào sanh ra sóng gió, em cứ nói bây thôi ! Trước hết, Trời là gì ? Em có thấy « óng Trời » bao giờ chưa ? Em hay dùng cái k, ầu-đầu-thoai « Trời sanh » để giải-quyết nhiều thiên-tượng (météores) mà em chưa hiểu lai-lịch là thế nào. Em hãy bỏ những cái thuyết hủ-lậu về « Thần-tích », « Thiên-tạo » v. v. vì toàn là một « mơ » dị-đoan. Em cứ hỏi anh những điều gì em chưa biết, nhiên-hậu em sẽ biết, vì cách-ngôn có câu : « không biết, nói không biết, tức là biết vậy ».

— Ủ, đành rằng sóng gió không phải là của Trời sanh ra ; nhưng nếu em nói là của qui thần làm ra, thì anh có chịu tin không ?

— Không ! Ngần lẩn không !

— Nếu em trưng bằng-cớ ra, anh chịu tin không ?

— Bằng-cớ thế nào ? Em thử chỉ cho anh xem...

— Bằng-cớ ấy trong truyện « Tiêt-nhơn-Quy chinh đông » ở đoạn nói về vua Đường Thế-DAN lúc bị sóng gió làm lác-lư các chiến-thuyền, ngài viết hai chữ « miền triều »...

— Truyện bá-xâm ! Em đừng tin bọn tác-giả truyện Tàu mà làm to ! Hãy nghe anh nói đây : Gió là không-khí chuyển-động...

— Ủ, phải rồi ! Em nhớ tại rồi ! Gió là không-khí chuyển-động, thầy em đã dạy như thế... Nhưng hôm rày bãi trường, em ở nhà cứ lo chơi bởi mãi, không đọc lại các bài-vở cũ, thành ra quên lãng những điều đã học... Còn sóng bởi đâu mà có, hỏi anh ?

— Sở dĩ có sóng, là tại có gió. Gió thổi trên nước làm cho mặt nước chấn-động. Hễ gió thổi thì nước bị chấn-động nhô-nhào, ta gọi là gợn. Hễ gió thổi thì mặt nước bị chấn-động nhô-nhào, ta gọi là sóng. Em thử lấy một cây quạt phe-phẩy trên mặt nước trong một cái chậu, em sẽ thấy lời quyết-định về nguyên-do của sóng theo khoa-học quả không sai.

— Sóng trong sông có to lớn bằng sóng ngoài biển không, anh ?

— Sóng trong sông không khi nào to lớn bằng sóng ngoài biển được, một phần là tại diện-tích của nước sông không rộng-rãi bao-la bằng diện-tích của nước biển, một phần là tại các ngọn sóng đều ở trong vòng lục-địa (continent), hai bên bờ có những nhà-cửa cây-cối dựng đứng lên như một tấm bình-phong to lớn làm cho sức gió yếu bớt rất nhiều.

— Sóng biển có thể lên cao chừng mấy thước, anh có biết được không ?

— Sóng biển có thể lên cao từ 15 đến 20 thước trong cơn bão-tố. Những lúc như thế, gió thổi vùn-vụt, nước dấy âm-âm ; trên

THÊU MÁY !
Mme TRƯƠNG-VĂN-HUÂN
 200 rue d'Espagne. SAIGON
 Lãnh dạy thêu máy, thêu chỉ laine (thêu tay và thêu máy) và bán các đồ phụ-tung thêu máy.
 Mới lại nhiều chỉ màu.

Muốn chụp hình mỹ-thuật
 Muốn rọi hình thiết giống và bền
 Muốn rửa hình mau và tốt.
 Xin mời các ngài cứ lại
IDÉAL PHOTO
 74, Boulevard Bonnard
 SAIGON

Thằng nhỏ ba tuổi, mạnh mẽ lạ thường.
 Em nhỏ Lê-văn-Phát, năm nay được ba tuổi, mập mạp, mạnh mẽ lắm. Hồi nó mới hai tuổi, ai cũng tưởng nó phải chết non, cha mẹ nó hết sức buồn, vì nó có chứng bang, hay nóng lạnh, đờ mờ hơi trắng, lừ đừ, buồn bã lắm, một tháng đau không biết mấy lần, hề ăn đồ trắng thì chứng bang tái lại. Bệnh nó làm khó cho cha mẹ nó vô cùng, may nhờ có người điếm chỉ cha mẹ nó mua có ba gói thuốc CHÍ-LINH-TÂN cho nó uống đến nay tuyệt gốc bang, hết nóng lạnh. Hết bệnh, nó lại mập mạp, mạnh mẽ lạ thường. Thuốc CHÍ-LINH-TÂN này, gia truyền hơn mấy đời người, cứu được không biết bao trẻ con mang bệnh. Nhà bào chế, chỉ nhờ một món thuốc này làm nên sự nghiệp. Tôi vì được nghe muôn ngàn người khen là thần dược, nên nài nỉ xin làm đại-lý độc quyền, phổ thông thuốc này khắp cả Đông-Pháp, hầu cứu bệnh trẻ con. Thuốc đáng công hiến cho đời, chứ không dám xỏ ngôn thỏ lợ ; dùng rồi, mới rõ lời nói tôi đúng với sự thật. Có bán nơi các gara xe điện từ Bình-thới tới Thủ-đạm-một, ở xa muốn mua xin do nơi Madame Nguyen-thị-Kính chợ mới.
 Nguyễn-đức-Trọng 11, rue Caisse Hanoi

can thì nhà-cửa đổ trái, cây-cối
trốc gốc; dưới nước thì thuyền
tàu chìm đắm, bờ-bãi sụp lở. Vì
vậy người ta mới gọi bão-tổ là
một cái thiên-tai, mà là một cái
thiên-tai rất khốc-hại. Lâm khi
trong cơn bão-tổ có những luồng
gió phản-trái nhau mà đồng-thời
gặp nhau nơi một trường-sở, làm
thành ra trận châu-phong (tour-
billon) kịch-liệt, nghĩa là một trận
gió xoay tròn như chong-chóng,
người mình vẫn gọi là «con trốt»,
và những kẻ không thông khoa-
học, hay tin nhảm-nhi, đều quả-
quyết là một thứ gió do ở sức
của nhiều oan-hồn uổng-tử làm
ra. Thứ gió trốt ấy, hệ đường
bán-kin (rayon) nó càng dài thêm
ra thì sức mạnh nó càng tăng-gia
nhiều lên, có thể tàn-phá những
miền nào bị nó trải qua: nó có
hấp-lực làm khô cạn ao giếng,
đánh tốc nóc nhà, lúc nó thông-
hành trên cõi lục-địa; nó có
mãnh-lực rút nước lên thành cái
vòi to và cao như cây trư lớn,
tiếng kêu ầm-ĩ, lúc nó phát-sinh
ra trên mặt biển. Nhân có mấy
cái hiện-tượng (phénomène) bất-
thường ấy, nhiều người quê-dốt
mới bịa-đặt ra nào là chuyện «*cú
quái về trời*», nào là chuyện
«*rồng xuống lấy nước*», rồi
truyền-đạt những mối tương-
tượng vô-ngi-ĩa-lý của họ cho
một số đông người quê-dốt khác,
được bọn này tin nghe...

— Những «*tru*» nước đó có
nguy-hiểm gì cho ghe, tàu không?
— Nguy-hiểm lắm! Những ghe,
tàu nào không may gặp nó thì
bị nó lôi cuốn vào, làm cho
quay tít và chìm đắm. Bởi vậy
nhà hà-g-hải-sơ nó còn hơn
người tiêu-phu sợ cốp! Thước
trước, bọn thủy-công Âu Mỹ đã
lãng-dùng súng đại-bác bắn nó
để tiêu-diệt nó, nhưng họ không
được cái kết-quả viên-mãn. Với
cách ấy, họ chỉ có thể biến-cải
cái hiện-tượng kia trong khoảnh

khắc mà thôi, nghĩa là làm cho
nó bị gián đoạn hoặc bị yếu sức
ngay hồi đó, nhưng sau lúc ấy
thì nó lại hoàn bình hoàn lực
như trước, có khi còn bạo tợn
hơn trước nữa.
— Sóng, gió làm hại người ta
như anh đã kể, vậy sóng gió
không có ích gì cho nhân-loại cả,
phải không anh?
— Sóng gió tuy làm hại loài
người rất nhiều, nhưng không
phải là vô ích đâu.
Nhờ có sóng đùa những loài
rong biển và sò ốc lên bờ bãi,
người ta không cần gì phải lặn
lội xuống nước cũng có thể lượm
bắt được các giống ấy đem về
làm vật ăn, phân bón, hay là
nung vôi. Nhờ có gió thổi luôn
trên mặt địa-cầu, người ta không
cần quạt cũng có thể giế sạch
lửa và hưởng được cái không-
khí mát-mẻ, không cần chèo cũng
có thể làm chạy được thuyền
buồm v.v... Bên Âu-châu, người
ta lại còn lợi-dụng sức sóng, sức
gió làm chạy được nhiều thứ
máy như máy xay lúa, máy phát
điện và nhiều thứ máy to lớn
khác nữa...

Bích-Thủy



Cảm-tưởng trong lúc nghỉ hè

Tôi cũng như nhiều bạn khác,
khi giả trường mà về quê nhà,
trong lòng mang nặng một cái
vui, cái vui quá nồng-nàn.
Cầu tàu Mytho từ từ xa tôi, từ
từ cõng bót tằm tình đan-diu, hứa
rằng sẽ để trước mắt tôi một
vùng cảnh-vật lạ hơn, dầu rằng
cảnh lạ ấy là cảnh đã ung-đúc
cho tôi một cái tâm hồn...
Rồi, mấy khoảng sông rộng
tuyệt lẫn-lướt mở rộng ý tưởng
tôi. Tôi không còn biết tôi là tôi
nữa...

Một buổi sáng quyền sách trên
tay, tôi nằm đồng-đưa trên võng,
dưới bóng cây um-tùm. Trước
kia, tôi đã tính bài học về xem
tập này, coi lại quyển kia. Thế
mà lời hứa ấy, cũng như lời hứa
trước, nó theo cảnh ngộ và thời
gian mà tiêu mất. Tôi có lười
biếng không? Tôi có ham chơi
không? Thì cái từ-chối với vài
bạn để đi câu cá bắn chim hãy
trả lời giúp tôi: tôi cho đó là
cuộc vui tàn ác.

Tôi đọc. Tôi vẫn đọc, mà tôi
vẫn không hiểu tôi đọc gì. Tôi
lắng nghe chim kêu lẩn-lầu trên
nhành, tôi trông mấy làn mây
cuồn-cuộn trên không, tôi ngắm
mấy hột sương lỏng-lánh trên
cánh hoa lài; rồi tôi hay trong
lòng tôi khoan-khoái: đây có phải
là cái «*vùng cảnh-vật lạ*» chăng?

Trí tôi nhờ cả tên của bạn
học; nào anh Giỏi, anh Tùng,
anh Tam... Tôi nhớ gương mặt,
tôi nhớ giọng nói cười; tôi lại
tưởng-tượng những «*vùng cảnh-
vật*» của mấy anh ấy. Tôi thấy
nó đẹp, nó lạ làm sao!

Tôi không còn có chút gì dám
đan-diu với quê nhà; tôi muốn
phiêu-lưu, tiến lên con đường mới
nào nữa...

Rồi tôi tự hỏi: «*Các bạn như
tôi có nghĩ thế không?*»

Hồ-văn-Hào

PHỤ-NỮ' TÂN-VĂN - JOURNAL DES FEMMES

TUẦN BÁO XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM

Sáng lập tại Saigon năm 1920

Điện thoại số: 566

Điện tín để: PHUNUTANVAN Saigon

GIÁ BÁO:

Trọn năm	5\$00
Sáu tháng	2.80
Ba tháng	1.50
Một tháng	0.50
Mỗi số	0.15

GIÁ ĐĂNG QUẢNG CÁO

Một trương	80\$00
Nửa trương	45.00
Một phần tư	25.00
Một phần tám	18.00

Thư từ và mandat mua báo xin đề cho:
M^{me} Nguyễn-đức-Nhuận, Chủ nhân Phụ-nữ Tân-văn,
48, Rue Vannier - SAIGON

Đăng từ 6 tháng trở lên sẽ có giá như hơn.

MỤC-ĐÍCH PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

Phổ thông trí thức và bình vực quyền lợi của phụ nữ

Các bạn xa gần có cảm tình cùng bôn bao, giúp cho lai vớ và y-khiên, bôn bao
rất hoan nghinh. Những bài lai cáo đã đăng bao và không đăng được, bôn bao
không thể trả bôn thảo lại.

ĐÃ RA TRON BỘ
Tác giả: ĐÀO-DUY-ANH



6.000 chữ đơn, 40.000 tiếng kép.
Định giá mỗi bộ 2 quyển: 6\$50.
Hai quyển đóng làm một, bìa và chữ thép
vàng, thật giá 8\$00 (ở xa thêm 0\$50 cước).
Mua tại các nhà buôn và nhà đại-lý không
tính tiền cước.

Các nơi có trữ bán ở miền Nam:

- Hàn-Lâm. Phan-thiết
- Phụ-nữ Tân-văn. Saigon
- Nam-kỳ Thư quán. Hanói
- Tổng-phát-hành: Quan-Hải, 27 Rue Gia long
HUE

Đồ Trang Điểm hiệu

“TOKALON”

Cả toan cầu đều nhận là tốt nhất

Non grasse
Không có mỡ
Creme Sáp TOKALON
Legerement grasse
L. mô
Grasse
Cỏ mỡ

Poudre Phần TOKALON • Petaha • Fascinatine •

Savon Xà-bong TOKALON

Parfums Dầu thơm TOKALON

Đại-lý Độc-quyền trong Nam-kỳ và Cao-mên
Maison G. RIETMAN
SAIGON

Các nhà buôn lớn ở khắp nơi đều có trữ
bán.

Le Directeur Gérant: NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN